



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG
TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY



Rừng Trúc Vườn Cao

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2017

Mục lục

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

| | | |
|--|---------|-------------|
| I.Thông tin khái quát. | Trang 4 | Đến trang 5 |
| II.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh. | Trang 5 | Đến trang 5 |
| III.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý. | Trang 6 | Đến trang 7 |
| IV. Định hướng phát triển. | Trang 7 | Đến trang 9 |
| V.Phòng chống rủi ro. | Trang 9 | Đến trang 9 |

Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

| | | |
|---|----------|--------------|
| I.Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. | Trang 10 | Đến trang 11 |
| II.Tổ chức và nhân sự. | Trang 11 | Đến trang 12 |
| III.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án. | Trang 12 | Đến trang 13 |
| IV.Tình hình tài chính. | Trang 13 | Đến trang 13 |
| V.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. | Trang 14 | Đến trang 15 |
| VI.Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty. | Trang 16 | Đến trang 18 |

Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

| | | |
|--|----------|--------------|
| I.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | Trang 19 | Đến trang 20 |
| II.Tình hình tài chính. | Trang 21 | Đến trang 23 |
| III.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. | Trang 23 | Đến trang 23 |
| IV.Kế hoạch phát triển trong tương lai. | Trang 23 | Đến trang 25 |
| V.Ý kiến của Ban Giám Đốc đối với ý kiến của Kiểm toán. | Trang 25 | Đến trang 25 |
| VI.Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội. | Trang 25 | Đến trang 25 |

Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| | | |
|--|----------|--------------|
| I.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty. | Trang 26 | Đến trang 30 |
| II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc. | Trang 30 | Đến trang 31 |
| III.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị. | Trang 31 | Đến trang 31 |

Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | | |
|--|----------|--------------|
| I.Hội đồng quản trị. | Trang 31 | Đến trang 35 |
| II.Ban kiểm soát. | Trang 35 | Đến trang 36 |
| III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát. | Trang 37 | Đến trang 37 |

Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | | |
|--|----------|--------------|
| I.Ý kiến kiểm toán. | Trang 38 | Đến trang 38 |
| II.Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty A&C. | Trang 39 | Đến trang 74 |

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Kính thưa các quý cổ đông,



Năm 2017 đã qua, trong bối cảnh địa chính trị – kinh tế – môi trường – khí hậu – dân tộc – tôn giáo trên thế giới diễn biến phức tạp, nhiều mâu thuẫn và căng thẳng, nhưng sau một năm biến động khép lại, tất cả khu vực kinh tế và toàn cầu đều hồi phục và tăng trưởng, đặc biệt là vị thế dẫn đầu của Mỹ trong nhóm kinh tế siêu cường, hé mở ra viễn cảnh tương lai với nhiều kỳ vọng.



Việt Nam có nền kinh tế quy mô còn nhỏ nhưng lại rất mở với tất cả khu vực và các cường quốc kinh tế khác. Từ những tác động tích cực của kinh tế thế giới và nỗ lực chủ quan của các nguồn lực nội tại, lần đầu tiên từ khi bắt đầu đổi mới theo định hướng thị trường, nước ta đã đạt được tất cả mục tiêu kinh tế của năm 2017. So với năm 2016, chỉ số GDP tăng trưởng 6,81%, lạm phát chỉ 3,6%, lãi suất và tỷ giá ngoại tệ ổn định; hệ thống ngân hàng giảm nợ xấu và đạt lãi lớn; thị trường chứng khoán khởi sắc; kim ngạch hai chiều và xuất siêu tăng, dự trữ ngoại hối quốc gia đạt mức kỷ lục mới; môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện và niềm tin kỳ vọng của doanh nhân gia tăng thể hiện qua hơn 126 ngàn lượt doanh nghiệp mới đăng ký thành lập. Việt Nam đã và đang tiếp tục thu hút mạnh vốn FDI, tổng đầu tư toàn xã hội tăng 12,1% và bằng 33% GDP, trong đó đáng chú ý là đầu tư của khu vực ngoài nhà nước đã chiếm đến 40,5%.



Ngành nhựa Việt Nam tiếp tục đương đầu với nhiều thách thức hội nhập, 70% nguyên vật liệu lệ thuộc nhập khẩu, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, sản phẩm hầu hết ở phân khúc thấp; hơn 80% doanh nghiệp nhựa có quy mô nhỏ ít chú trọng đến đầu tư công nghệ máy móc tiên tiến, chưa có nhóm doanh nghiệp nào giữ vị trí chủ đạo để dẫn dắt nên tính cạnh tranh trong nội bộ ngành rất mạnh, nhất là về giá. Áp lực cạnh tranh tăng cao trước làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài đặc biệt là từ khối ASEAN có thể mạnh sẵn về vốn, kỹ thuật và thị trường. Đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm để cạnh tranh đang là vấn đề sống còn của ngành và từng doanh nghiệp nhựa Việt Nam.



Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì nhựa thiên về xuất khẩu, trong năm qua, Tân Đại Hưng vẫn kiên định với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược, không ngừng củng cố các lợi thế cạnh tranh: chất lượng, sản lượng, giá thành, giữ vững uy tín của Thương Hiệu trong các thị trường mục tiêu xuất khẩu và nội địa.

Trong suốt quá trình 2017, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành luôn tuân thủ thống nhất theo các định hướng năng động - kỷ cương - minh bạch - chuyên nghiệp - hiệu quả, đảm bảo tài sản nguồn vốn và tình hình tài chính công ty lành mạnh, đề cao phòng tránh rủi ro không để phát sinh hệ lụy. Công ty đã nỗ lực mở rộng tiếp thị để có nhiều đơn hàng hơn, tìm kiếm khai thác cơ hội trong thị trường xuất khẩu mục tiêu, tiếp tục đầu tư đổi mới thêm nhiều máy móc thiết bị nhằm tiếp tục nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, không ngừng phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm giá thành, duy trì ổn định đội ngũ quản lý và công nhân cũng như hệ thống cung ứng gia công đầu vào và bán thành phẩm

Sau một năm thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và cạnh tranh, với nỗ lực và tâm huyết của mình, Tân Đại Hưng đã đạt vượt mức các chỉ tiêu chính yếu do Đại Hội Cổ Đông đề ra của năm 2017. Kết quả, sản lượng đạt 112,4%, doanh thu đạt 120,1%, lợi nhuận sau thuế đạt 127,6% chỉ tiêu kế hoạch năm 2017. So với kết quả năm 2016, sản lượng tăng 118%, doanh thu tăng 137%, lợi nhuận sau thuế tăng 138%.

Năm tới, viễn cảnh vĩ mô cho thấy cạnh tranh thương trường sẽ khốc liệt hơn, nhưng kết quả nổi bật trong năm qua là cơ sở để công ty tiếp tục phát triển một cách bền vững. Tôi và Hội Đồng Quản Trị công ty cũng như Ban Giám Đốc vững tin rằng với những định hướng sát đúng với thị trường, giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi, được sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, Tân Đại Hưng sẽ tiếp tục thành công trong năm 2018.



Trân trọng,

PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát



| | |
|---|--|
| Tên giao dịch: | Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 06 năm 2013. |
| Vốn điều lệ: | 244.305.960.000 đồng. |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 244.305.960.000 đồng. |
| Địa chỉ trụ sở văn phòng: | 414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM. |
| Số điện thoại: | +84 (028) 39 73 72 77 |
| Số fax: | +84 (028) 39 73 72 79 |
| Website: | http://www.tandaihungplastic.com |
| Email: | tdhplastic@gmail.com |
| Mã cổ phiếu: | TPC |

Quá trình hình thành và phát triển

1) Quá trình hình thành và phát triển

| 1984 | 1994 | 1997 | 2002 | 2006 | 2010 |
|--|--|--|---|--|---|
| Thành lập công ty SXTM Nhựa Tân Đại Hưng, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón | Trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại Cảng Sài Gòn | Tiếp cận thương mại quốc tế và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu | Chuyển từ hình thức Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng | Khánh thành nhà máy tại Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Tăng cường xuất khẩu bao bì PP, vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp vào thị trường Mỹ, Canada | Tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng |

2) Quá trình Niêm yết :

| | |
|--|--|
| Ngày 28/11/2007 | Chính thức giao dịch 10,400,000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007. |
| Ngày 30/09/2008 | Niêm yết bổ sung 10,146,000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDCK TPHCM ngày 30/09/2008. |
| Ngày 20/08/2010 | Niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thường theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở GDCK TPHCM ngày 11/08/2010. |
| Loại chứng khoán | Cổ phiếu phổ thông. |
| Mã chứng khoán | TPC. |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu. |
| Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 24.430.596 cổ phiếu. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21.268.956 cổ phiếu (giao dịch tự do). ▪ Số lượng cổ phiếu quỹ: 3.161.640 cổ phiếu. | |

3) Các sự kiện khác:

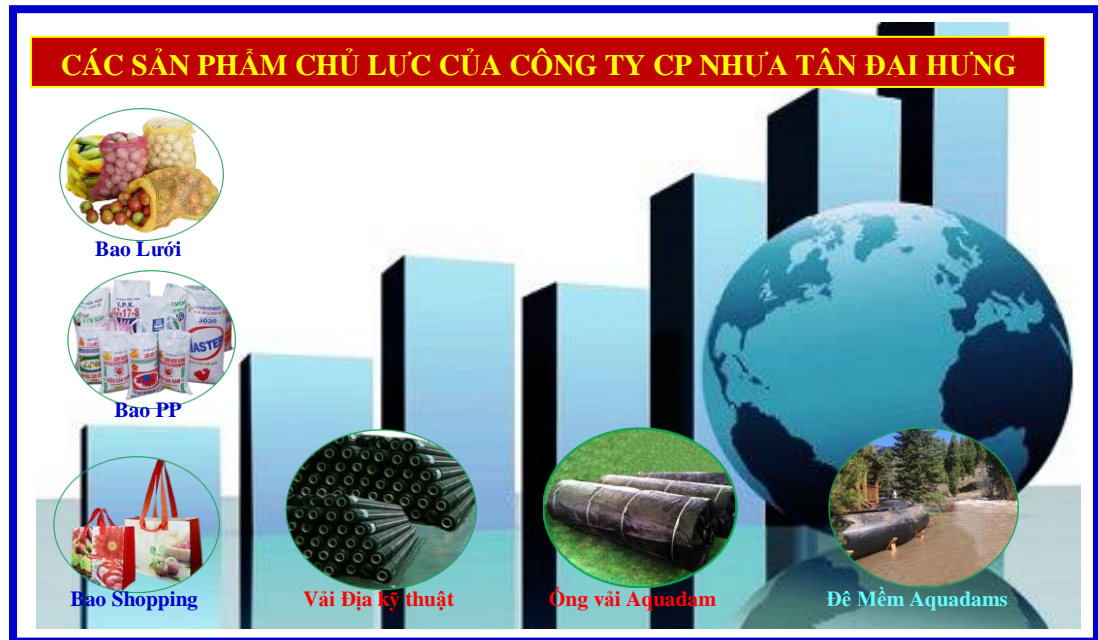


| | |
|---------------------|--|
| Từ năm 2003 | Áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009. |
| 27/2/2007 | Được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”. |
| Tháng 5/2009 | Được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”. |
| Từ Năm 2003 | Được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) liên tục xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”. |

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.



Ảnh minh họa các nhóm sản phẩm chủ yếu của công ty.

2) Địa bàn kinh doanh:

| | |
|-----------------------------|--|
| Thị trường xuất khẩu | Các sản phẩm bao lưới tròn, bao hộp, bao shopping, bao PP không in chủ yếu xuất vào các nước thuộc khối EU, vải địa kỹ thuật và aquadams xuất vào Mỹ và Canada, doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 65% - 75% trong tổng doanh thu hàng năm. |
| Thị trường nội địa | Các sản phẩm bao lưới, bao PP (có và không có tráng, có và không có PE, in và không in) chủ yếu cung cấp doanh nghiệp sản xuất phân bón và thức ăn gia súc tại các tỉnh miền Nam và Đông Nam bộ. |
| Thị trường gia công | Công ty đã xây dựng thành công hệ thống gia công bán thành phẩm tại khu vực ven TPHCM và một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu long, vừa nhằm đáp ứng nhu cầu khối lượng và thời hạn giao hàng (đặc biệt về xuất khẩu), vừa góp phần giải quyết việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định cho hơn 500 lao động tại các vệ tinh. |

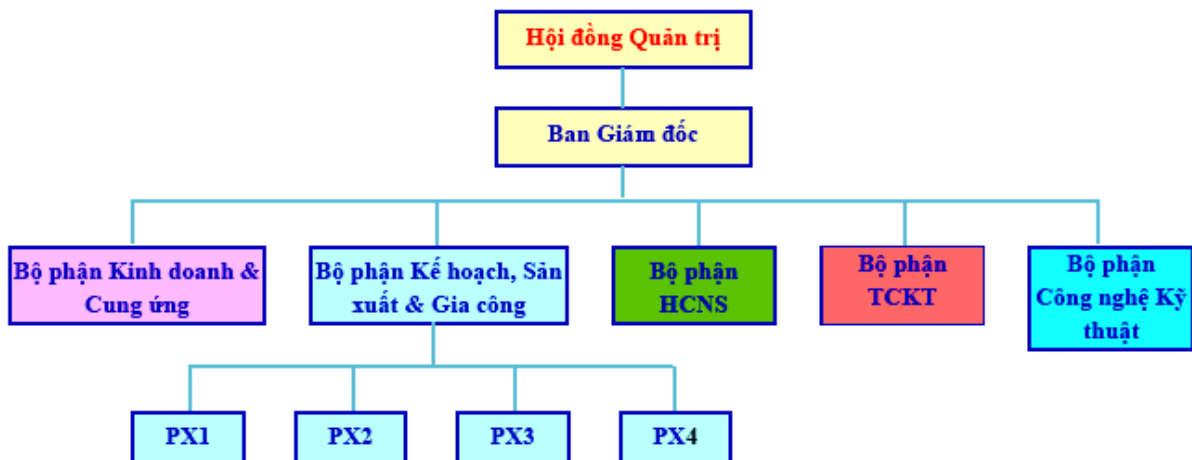
III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1) Mô hình quản trị.

- Tân Đại Hưng là công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam, được tổ chức và quản trị theo mô hình công ty mẹ & công ty con.
- Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội đồng quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2) Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng



- **Hội Đồng Quản trị gồm:** 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên.
- **Ban Giám Đốc gồm:** 01 Tổng Giám Đốc, 02 Phó TGD, các GD Trưởng Bộ phận chức năng.
- **Bộ phận kinh doanh & cung ứng:** đảm nhiệm chức năng quản trị hoạt động marketing, bán hàng, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu vật tư, do 01 Phó TGD phụ trách.
- **Bộ phận hành chính & nhân sự:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động hành chính và nhân lực, do 01 Phó TGD phụ trách (*kiêm giám đốc công ty con - nhà máy*).
- **Bộ phận Tài chính kế toán:** đảm nhiệm các chức năng quản trị tài chính, kế toán, các kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, do GD tài chính kiêm kế toán trưởng phụ trách.
- **Bộ phận Công nghệ kỹ thuật:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động công nghệ, tái sinh nguyên liệu, đảm bảo chất lượng (QA), hệ thống điện, hệ thống máy móc thiết bị (*sản xuất và phục vụ sản xuất*), do Giám đốc Công nghệ KT phụ trách.
- **Bộ phận kế hoạch & sản xuất & gia công:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động sản xuất và gia công các công đoạn, các kho bán thành phẩm, do GD Sản xuất & Gia công phụ trách.
 - *Phân xưởng 1:* gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt.
 - *Phân xưởng 2:* gồm các công đoạn Tráng, Ghép, Lộn, PE, Vặn hồng, In.
 - *Phân xưởng 3:* gồm 2 nhóm công đoạn Cắt & May và LĐPT & Đóng kiện.
 - *Phân xưởng 4:* gồm các công đoạn vải aquadams và vải nội địa.

Trong mô hình công ty Mẹ -Con:

- *Trụ sở công ty tại thành phố Hồ Chí Minh:* là nơi giao dịch chính thức của công ty, nơi hoạt động thường xuyên của HĐQT và các bộ phận chức năng tài chính và kinh doanh cung ứng.
- *Nhà máy (Công ty TNHH TĐH) tại Long An:* là nơi hoạt động thường xuyên của BGĐ và các bộ phận chức năng khác của công ty.

3) Các công ty con, công ty liên kết.

- **Công ty con:** Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, giấy chứng nhận ĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- **Công ty liên kết:** Không có.

IV. Định hướng phát triển

1) Định hướng tổng thể:



| | |
|------------------------|---|
| Tâm nhĩa | Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phát triển liên tục và bền vững cùng với ngành nhựa Việt Nam, gắn liền với bảo vệ môi trường thiên nhiên và lợi ích xã hội. |
| Sứ mệnh | Trở thành một doanh nghiệp bao bì hàng đầu tại Việt Nam và khu vực; phát huy thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào thị trường quốc tế theo các hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước khác. |
| Giá trị cốt lõi | <ul style="list-style-type: none">□ Minh Bạch: Công bố thông tin đầy đủ, các dữ liệu và số liệu của công ty rõ ràng, rành mạch, trung thực.□ Kỷ Cương: Tất cả tổ chức và hoạt động của công ty đúng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các chính sách qui định qui trình nội bộ.□ Chuyên Nghiệp: Công ty sản xuất kinh doanh bao bì nhựa hơn 30 năm, cán bộ công nhân năng động, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu, được sắp xếp phù hợp với năng lực trong môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, phù hợp với văn hóa công ty và tinh thần đội ngũ (<i>team-work</i>).□ Cạnh Tranh: Tân Đại Hưng là Thương Hiệu uy tín, đảm bảo Chất Lượng, đáp ứng sản lượng lớn, giá cả có lợi cho khách hàng, đảm bảo giao hàng đúng hẹn, thực hiện đúng đủ những thoả thuận và cam kết với khách hàng.□ Hiệu Quả: Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang đến lợi ích thiết thực và tốt nhất cho các đối tác và khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội. |

2) Chiến lược tổng thể trung và dài hạn (đến năm 2025)

| | |
|---------------------------------------|---|
| Mục tiêu | Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân >10% hằng năm, giữ vững vị trí trong top 3 ngành bao bì nhựa của Việt nam. |
| Thương hiệu | Tiếp thị nhạy bén, nắm bắt xu hướng và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng, cơ cấu sản phẩm đáp ứng được sự cạnh tranh về giá bán, duy trì thương hiệu hàng đầu về bao bì, chọn lựa đối tác kết nối hợp lý trong chuỗi giá trị quốc tế. |
| Chất lượng sản phẩm | Lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm cạnh tranh và lấy công nghệ sản xuất tiên tiến làm nền tảng cho sự phát triển. |
| Công nghệ sản xuất | Liên tục cải tiến đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị, tối ưu hóa các dòng sản phẩm và qui trình sản xuất, đầu tư thích đáng cho nghiên cứu và phát triển nhằm cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm tối đa hóa lợi nhuận. |
| Năng suất và sản lượng | Vận dụng Lean Production và 5S nhằm loại bỏ các lãng phí và giảm chi phí, hợp lý hoá quy trình sản xuất, ngăn ngừa sai lỗi ngay từ khâu đầu tiên, gia tăng hiệu suất và hiệu quả các quá trình sản xuất tổng thể và mỗi công đoạn. |
| Tài chính | Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro, đảm bảo tình hình tài chính công ty lành mạnh, đạt các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức hàng năm. |
| Quản trị | Liên tục cập nhật, vận dụng các hệ thống quản trị tiên tiến nâng cao năng lực quản trị điều hành công ty phù hợp theo sự phát triển công nghiệp 4.0, xây dựng môi trường làm việc thu hút nguồn nhân lực, mời gọi nhân tài. |
| Xây dựng và phát triển văn hoá | Xây dựng tư duy quản trị tiên tiến trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên dựa trên nền tảng nguồn nhân lực năng động sáng tạo, chuyên môn cao. Xây dựng một tác phong chuyên nghiệp, tất cả vì lợi ích cao nhất của khách hàng. |

3) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018.



| TT | Chỉ tiêu cơ bản | Năm 2018 | Ghi chú |
|----|--------------------------|----------|---|
| 1 | Sản lượng bao bì (tấn) | 13.430 | Tăng 3,5% so với chỉ tiêu 2017, giảm 7,7% so với kết quả 2017. |
| 2 | Doanh thu bao bì (tỷ) | 622,626 | Tăng 5,3% so với chỉ tiêu 2017, giảm 12,3% so với kết quả 2017. |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (tỷ) | 32 | Tăng 39,1% so với chỉ tiêu 2017, tăng 9,2% so với kết quả 2017. |
| 4 | Mức chia cổ tức (%) | 10% | Tăng 25% so với chỉ tiêu 2017. |
| 5 | Tỷ lệ phế/thành phẩm (%) | ≤ 6% | Như năm 2017 |

Chỉ tiêu sản lượng và doanh thu bao bì đề ra năm 2018 tuy thấp hơn kết quả đạt được năm 2017 nhưng vẫn tăng so với chỉ tiêu kế hoạch 2017, đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 39,1% so với chỉ tiêu 2017 và tăng 9,2% so với kết quả 2017 là do công ty sẽ chọn lựa những loại sản phẩm có hiệu quả cao để sản xuất kinh doanh trong năm 2018.

4) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.



Là một doanh nghiệp đã hoạt động hơn 30 năm, Tân Đại Hưng luôn đặt mục tiêu kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong các hoạt động, Công ty quan tâm công tác xã hội và chú trọng chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho toàn thể CB – CNV tại Công ty.

Công ty cam kết đảm bảo liên tục:

- Không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu tiêu hao năng lượng, cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- Nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Tổ chức thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động tài trợ cộng đồng của các địa phương (các địa bàn trụ sở và nhà máy).

V. Phòng chống các rủi ro:

Công ty đã nhận diện, đã và đang thực hiện các biện pháp những biện pháp phòng chống rủi ro:

| Lĩnh vực rủi ro | Nhóm giải pháp và biện pháp |
|-------------------------------------|--|
| Pháp luật | Thay đổi về thể chế, chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty, phải được theo dõi và thay đổi kịp thời để đảm bảo tổ chức và hoạt động công ty luôn hiệu quả.. |
| Thị trường và khách hàng | Cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên để nắm vững tình hình khách hàng, có những chiêu thức marketing và bán hàng phù hợp. |
| Giá nguyên liệu | Theo dõi xu hướng thay đổi của giá nguyên liệu (<i>chí phí chiếm gần 70% giá thành</i>) để quyết định mua và định mức tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa biến động giá nguyên liệu tác động xấu đến giá thành và giá bán, đảm bảo được sự ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả. |
| Tỷ giá và lãi suất ngân hàng | Theo dõi chính sách tiền tệ, tình hình tỷ giá để sử dụng có lợi nhất nguồn USD từ doanh thu xuất khẩu, phòng tránh hệ quả khi tỷ giá biến động mạnh; kiểm soát thay đổi hạn mức và lãi suất vay ngân hàng để hạn chế ảnh hưởng đến quá trình mua nguyên vật liệu cho sản xuất và hiệu quả hoạt động chung của công ty. |
| Giao nhận, vận chuyển | Thực hiện bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển. |
| Công nghệ | Theo dõi thay đổi công nghệ sản xuất trong thời đại công nghiệp 4.0, có những dự báo và kế hoạch để chuyển đổi phù hợp theo yêu cầu cụ thể của khách hàng. |
| Chất lượng | Chọn nhiều nhà cung cấp và sản xuất thử mẫu, đánh giá nguyên liệu. Kiểm tra kiểm soát đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu và tất cả công đoạn, tránh rủi ro trong quá trình sản xuất, dẫn đến chất lượng các thành phẩm không đảm bảo. |
| Thanh toán | Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, không để phát sinh nợ xấu. |
| Lao động | Tình trạng dịch chuyển lao động có xu hướng tăng. Công ty đào tạo để nâng cao tay nghề, kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất mới, thực hiện chính sách chăm lo tốt để người lao động an tâm và gắn bó, đặc biệt là người có tay nghề cao. Điều phối kịp thời qua các công đoạn để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất. |
| Thông tin và internet | Nhắc nhở, giám sát quan hệ và phân công hợp lý nhân viên, có những biện pháp kỹ thuật và hành chính nhằm giữ an toàn của hệ thống mạng thông tin, phòng tránh các rủi ro từ mạng internet, tiết lộ các thông tin cần bảo mật của công ty. |
| Cơ sở hạ tầng | Lắp đặt hệ thống thiết bị giám sát, kiểm tra chặt chẽ, chủ động phòng chống cháy nổ, giông bão, không để xảy ra trộm cắp làm thiệt hại tài sản và uy tín công ty. |
| Giao dịch chứng khoán | Theo dõi tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty, phòng tránh biến động xấu và nguy cơ bị thao túng, đầu tư. |

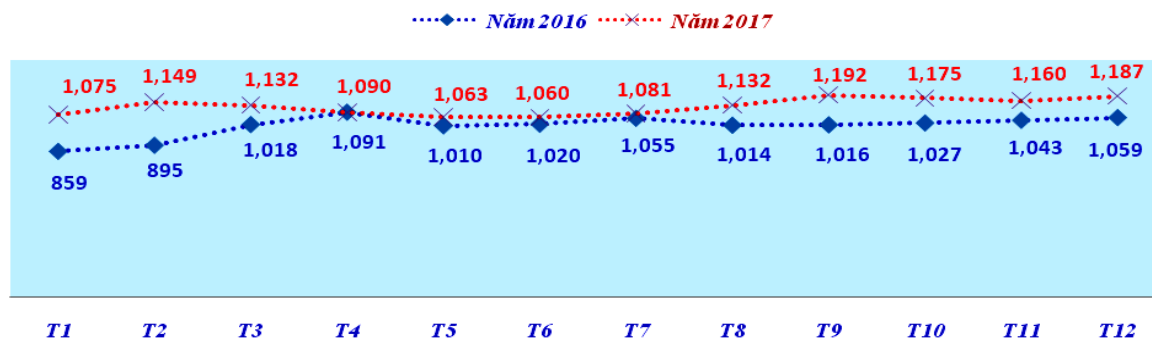
Phân II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1) Những thay đổi của môi trường kinh doanh và các giải pháp đã thực thi đạt hiệu quả:

| Tình hình môi trường kinh doanh 2017 | Nhóm giải pháp đã thực thi |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> □ Giá các nguyên vật liệu chủ yếu năm 2017 tăng dần. Giá PP tăng tốc từ tháng 8, giá tháng 12 tăng 10,4% so với tháng 1, bình quân giá PP năm 2017 tăng 11,5% so với năm 2016. □ Tất cả yếu tố chí phí và giá thành đều tăng nhưng phần lớn doanh nghiệp không tăng giá bán để cạnh tranh giành thị phần (cả xuất khẩu và nội địa). □ Hàng rào kỹ thuật tại các nước nhập khẩu ngày càng phức tạp, giá bán xuất khẩu buộc phải chốt hợp đồng chậm nhất là trong quý trước nên có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. □ Ngành bao bì thức ăn chăn nuôi nội địa gặp khó khăn lớn trong năm 2017 do khủng hoảng giá heo và gia cầm xuống thấp kỷ lục. □ Dịch chuyển lao động giữa các doanh nghiệp trong ngành và trong khu vực, công nhân thiếu ổn định, tuyển dụng khó khăn. | <ul style="list-style-type: none"> □ Kiểm soát chi phí mua hàng và mức tồn kho, kiểm soát chi phí sản xuất, cải tiến công nghệ kỹ thuật để tăng năng suất, loại bỏ lãng phí, tăng sử dụng nhựa tái sinh để giảm giá thành. □ Tiếp thị khách hàng mới, chào giá bán cạnh tranh và thanh toán linh hoạt theo từng khách hàng để tăng đơn hàng và sản lượng. □ Điều chỉnh kịp thời cơ cấu sản phẩm, ưu tiên sản xuất ống vải Aquadams và nhóm sản phẩm có lợi nhuận cao trong thị trường xuất khẩu. □ Nắm vững và tìm cách đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn của khách hàng, cải tiến tổ chức và qui trình để vượt qua các cuộc đánh giá, giám định khắt khe đối với nhà sản xuất. □ Tìm thêm các khách hàng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản, phân bón nội địa ... để bù đắp lượng đơn hàng thiếu hụt trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi nhằm giữ thị phần, dù không ưu tiên. □ Mở rộng địa bàn tuyển dụng, tuyển chọn kỹ lưỡng hơn, điều phối nhanh lao động giữa các công đoạn sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động qua lương thưởng, tiếp tục gia công bán thành phẩm. |

Biểu đồ thị giá PP năm 2017 và năm 2016



2) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Kế hoạch 2017 | Kết quả thực hiện | % Đạt |
|-----|--------------------|---------------|-------------------|--------|
| 01 | Sản lượng bao bì | 12.980 tấn | 14.549 tấn | 112,4% |
| 02 | Doanh thu bao bì | 591,5 tỷ đồng | 710,2 tỷ đồng | 120,1% |
| 03 | Lợi nhuận sau thuế | 23 tỷ đồng | 29,362 tỷ đồng | 127,7% |

Trong đó:

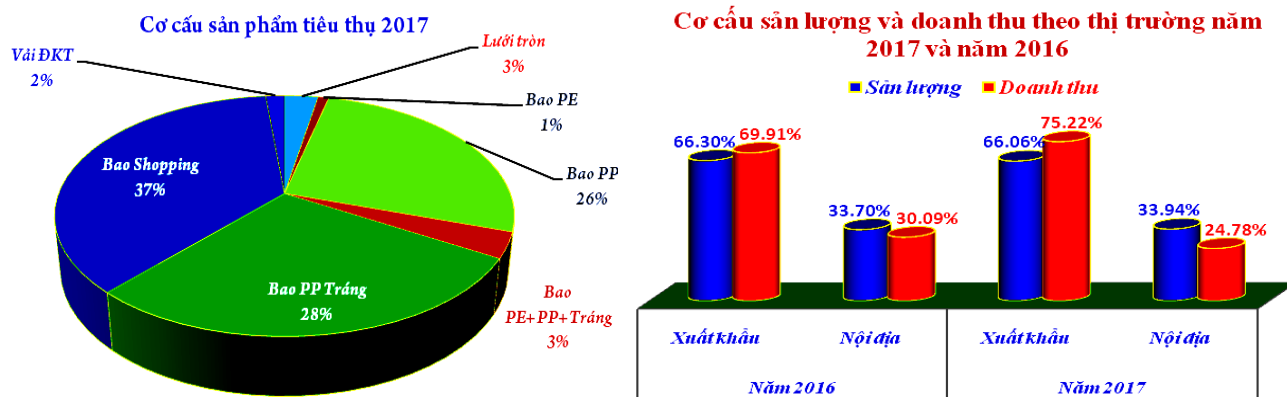
- **Tổng sản lượng thực hiện** : 14.549 tấn.
 - Sản lượng XK đạt : 9.611 tấn, chiếm 66,1% tổng sản lượng.
 - Sản lượng nội địa : 4.938 tấn, chiếm 33,9% tổng sản lượng.
- **Tổng doanh thu bán hàng** : 710,2 tỷ.
 - Doanh thu XK : 534,2 tỷ chiếm 75,2% tổng doanh thu.
 - Doanh thu nội địa : 176 tỷ chiếm 24,8% tổng doanh thu.

b) So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giữa năm 2017 với năm 2016:

| | Kết quả năm 2016 | Kết quả năm 2017 | So sánh 2017/2016 |
|-------------------------------------|------------------|------------------|-------------------|
| Sản lượng (tấn) | 12.342 | 14.549 | Tăng 118% |
| Doanh thu (tỷ đồng) | 567,330 | 710,219 | Tăng 125% |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | 21,261 | 29,362 | Tăng 138% |

□ **Cơ cấu sản lượng và doanh thu theo khu vực thị trường đạt được như sau:**

| | Năm 2016 | | Năm 2017 | |
|------------------|-----------|---------|---------------|---------------|
| | Xuất khẩu | Nội địa | Xuất khẩu | Nội địa |
| Sản lượng | 66,30% | 33,70% | 66,06% | 33,94% |
| Doanh thu | 69,91% | 30,09% | 75,22% | 24,78% |



□ **Kết quả đạt được nêu trên phản ánh chiến lược ưu tiên xuất khẩu của công ty là sát đúng với tính chất “mở” của kinh tế Việt Nam khi kinh tế thế giới dần hồi phục, mặt khác cũng cho thấy sự cạnh tranh khốc liệt của ngành bao bì nhựa trong thị trường nội địa.**

II. Tổ chức và nhân sự

1) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Nhựa Tân Đại Hưng (31/12/2017)

| TT | Họ và tên | Giới tính | Năm sinh | Trình độ | Chức danh | Số CP sở hữu | Tỷ lệ % |
|----|--------------------------|-----------|----------|----------|---------------|--------------|---------|
| 1 | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương | Nữ | 1989 | ĐHKT | Tổng GD | 896.700 | 3,67% |
| 2 | Bà Tôn Thị Hồng Minh | Nữ | 1974 | ĐHKT | Phó TGD | 304.000 | 1,43% |
| 3 | Ông Phạm Văn Mẹo | Nam | 1963 | TCHC | Phó TGD | 35.000 | 0,14% |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Nữ | 1962 | ĐHTCKT | KTT kiêm GĐTC | 127.160 | 0,52% |
| 5 | Ông Trần Hữu Vinh | Nam | 1977 | ĐHKT | GĐ SX & GC | 7.000 | 0,03% |

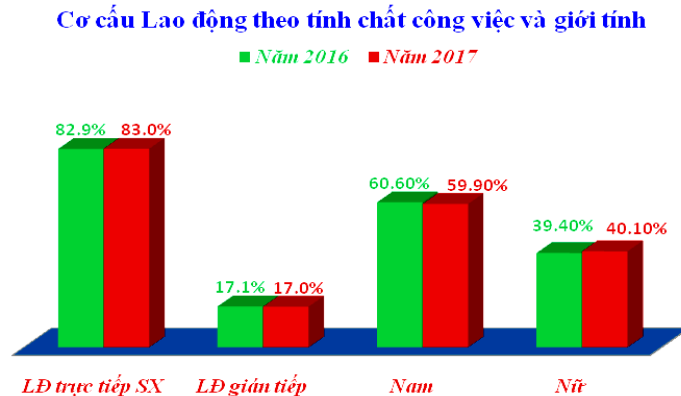
(tóm tắt lý lịch có trong phần quản trị công ty).

2) Những thay đổi trong ban điều hành:

Nhân sự của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận của công ty không thay đổi. Trong năm 2017, bổ sung thêm 02 Vị trí Quản lý Phân xưởng, phát triển 03 vị trí PGĐ Phụ trách Kỹ thuật (bao gồm: phụ trách Công nghệ, phụ trách Chất lượng, phụ trách Kỹ thuật BTSC & các dự án cải tiến MMTB).

3) Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm lược chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động trong công ty làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2017 là 651 người, gồm 390 lao động nam, 261 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp là 540, chiếm tỷ lệ 83% trên tổng số lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới).



- Tóm lược các Chính sách đối với người lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới):
 - Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo luật lao động.
 - Lãnh đạo công ty luôn chú trọng ổn định việc làm, tiếp tục nâng cao thu nhập thông qua hiệu quả sản xuất, làm việc; có những chính sách khuyến khích sáng kiến cải tiến, thâm niên, thưởng thành tích định kỳ và đột xuất.
 - Định kỳ tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ trong nội bộ và giao lưu với các doanh nghiệp khác trong cụm công nghiệp.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1) Các khoản đầu tư góp vốn.

- Góp 10 tỷ (10% vốn dự án) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT. Dự án này vẫn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lời.

2) Các khoản đầu tư cổ phiếu thể hiện như sau:

Các khoản đầu tư cổ phiếu công ty năm giữ đến ngày 31/12/2017 như sau:

| Đơn vị đầu tư | Số lượng | Giá trị (đồng) |
|---|----------|----------------|
| Ngân hàng TMCP Cổ phần Á Châu (mã cổ phiếu ACB) | 3 | 198.979 |
| Ngân hàng TM CP XNK Việt Nam (mã Cổ phiếu EIB) | 332.847 | 7.058,632.403 |
| Cộng | | 7.058.831.382 |

3) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng: không có.
- Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng không liên kết với công ty nào khác.
- Công ty con:
 - Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng đầu tư và đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.

- Tình hình hoạt động của công ty TNHH TĐH ổn định (thực chất đây là nhà máy sản xuất bao bì và kho hàng của Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng),
- Công ty “con” hàng năm đều được kiểm toán và báo cáo cùng với công ty “Mẹ” để có báo cáo tài chính hợp nhất và công bố thông tin minh bạch (xem phần báo cáo tài chính).



IV. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài chính

| Chỉ Tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | So sánh 2017/2016 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 599.823.061.921 | 644.046.168.114 | 107,4% |
| Doanh thu thuần | 702.107.381.535 | 735.337.164.685 | 104,7% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 21.505.362.276 | 31.702.047.493 | 147,4% |
| Lợi nhuận khác | 4.939.977.099 | 5.203.551.947 | 105,3% |
| Lợi nhuận trước thuế | 26.445.339.375 | 36.905.599.440 | 139,6% |
| Lợi nhuận sau thuế | 21.261.501.472 | 29.362.715.659 | 138,1% |

2) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu - chỉ số | 2016 | 2017 | Ghi chú |
|--|--------|--------|---------|
| Tổng Tài Sản | | | |
| ▪ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%) | 65,40% | 64,09% | Giảm |
| ▪ Tài sản Dài hạn/Tổng tài sản (%) | 34,60% | 35,91% | Tăng |
| Nợ phải trả | | | |
| ▪ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%) | 47,48% | 48,82% | Tăng |
| ▪ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%) | 52,52% | 51,18% | Giảm |
| ▪ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%) | 90,39% | 95,39% | Tăng |
| Tỷ Số Lợi nhuận | | | |
| ▪ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên) | 3,03% | 3,99% | Tăng |
| ▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA) | 3,54% | 4,56% | Tăng |
| ▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 6,75% | 8,91% | Tăng |
| ▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần | 10% | 13,8% | Tăng |
| Chỉ tiêu khả năng thanh toán | | | |
| ▪ Tỷ số khả năng thanh toán nhanh | 1.09 | 0.86 | Giảm |
| ▪ Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền mặt | 0.19 | 0.06 | Giảm |
| Chỉ tiêu năng lực hoạt động | | | |
| ▪ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ) | 6.66 | 6.68 | Tăng |
| ▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1.17 | 1.14 | Giảm |

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1) Cổ phần:

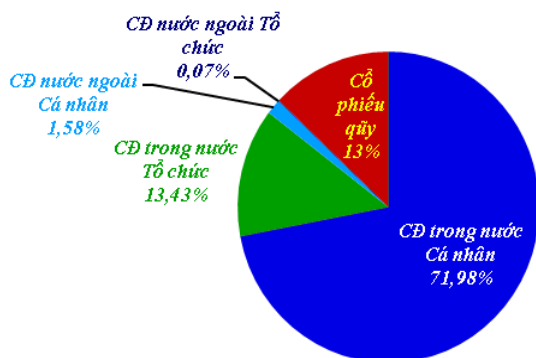
| Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng | Số Cổ phiếu |
|--|-------------|
| Tổng số cổ phần phát hành | 24.430.596 |
| Số cổ phần đang lưu hành (chuyển nhượng tự do) | 21.268.956 |
| Cổ phần Cổ phiếu quỹ nắm giữ | 3.161.640 |
| Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 00 |
| Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài | 00 |

2) Cơ cấu cổ đông:

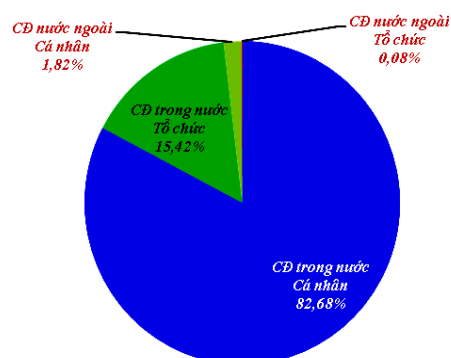
(Theo danh sách do TTLKCK TPHCM chuyển đến công ty ngày 23/05/2017)

| Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phiếu | TS quyền biểu quyết | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------|------------------|-------------------|---------------------------|---------------------|------------------------|
| I. Cổ đông trong nước | 766 | 20.866.074 | 85,41% | 20.866.074 | 98,11% |
| 1. Cá nhân | 745 | 17.586.036 | 71,98% | 17.586.036 | 82,68% |
| 2. Tổ chức | 21 | 3.280.038 | 13,43% | 3.280.038 | 15,42% |
| II. Cổ đông nước ngoài | 20 | 402.882 | 1,65% | 402.882 | 1,89% |
| 1. Cá nhân | 17 | 386.632 | 1,58% | 386.632 | 1,82% |
| 2. Tổ chức | 3 | 16.250 | 0,07% | 16.250 | 0,08% |
| III. Cổ phiếu quỹ | | 3.161.640 | 12,94% | - | 0% |
| TỔNG CỘNG | 786 | 24.430.596 | 100,0% | 21.268.956 | 100,00% |

Cơ cấu Cổ phiếu theo Loại cổ đông



Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông



3) Các cổ đông lớn của công ty:

| TT | Tên cổ đông | Quốc tịch | TSCP sở hữu | % Sở hữu/TSCP |
|----|-----------------|-----------|-------------|---------------|
| 1 | Lê Thị Mỹ Hạnh | Việt Nam | 3.382.590 | 13,85% |
| 2 | Phạm Trung Cang | Việt Nam | 3.223.220 | 13,19% |
| 3 | Trương Thị Lệ | Việt Nam | 1.233.440 | 5,80% |

4) Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn” và “cổ đông nội bộ”:

Trong năm 2017, chỉ có những giao dịch như sau:

| | Họ và tên | Sở hữu trước GD | Mua | Sở hữu sau GD | Tỷ lệ |
|-----------------------|-------------------|-----------------|---------|---------------|-------|
| Cổ đông lớn | Trương Thị Lệ | 1.063.360 | 170.080 | 1.233.440 | 5,80% |
| Cổ đông nội bộ | Tôn Thị Hồng Minh | 104.000 | 200.000 | 304.000 | 1,43% |

5) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Trong năm 2017, công ty không phát hành chứng khoán tăng vốn, không phát hành cổ phiếu thưởng, không trả cổ tức bằng cổ phiếu.

6) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

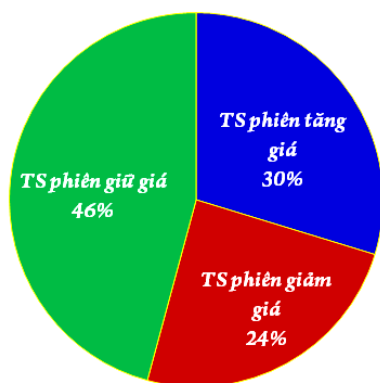
Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2017.

7) Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC trên sàn HOSE năm 2017.

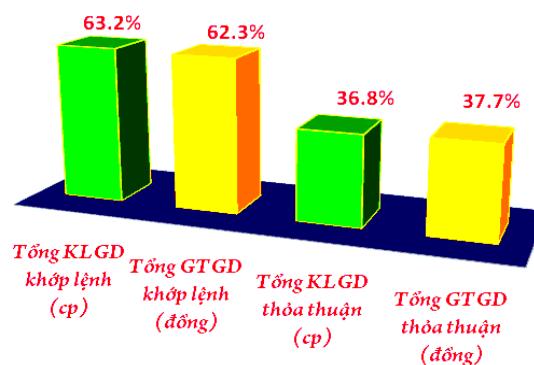
- Tổng lượng cổ phiếu TPC giao dịch năm 2017 là 3.285.680 cp, tăng 129,1% so với năm 2016.
- Tổng giá trị cổ phiếu TPC giao dịch năm 2017 là 31.862.210.000 đồng, tăng 171,2% so với năm 2016.

| Hạng mục thống kê | Số lượng | Tỷ lệ |
|---|----------------|--------|
| TS phiên tăng giá | 74 | 29,7% |
| TS phiên giảm giá | 61 | 24,5% |
| TS phiên giữ giá | 114 | 45,8% |
| Tổng khối lượng GD khớp lệnh (cp) | 2.075.570 | 63,2% |
| Tổng giá trị GD khớp lệnh (đồng) | 19.842.000.000 | 62,3% |
| Bình quân giáGD khớp lệnh /CP (đồng) | 9.560 | |
| Tổng khối lượng GD thỏa thuận (cp) | 1.210.110 | 36,8% |
| Tổng giá trị GD thỏa thuận (đồng) | 12.020.210.000 | 37,7% |
| Bình quân giá GD thỏa thuận /CP (đồng) | 9.933 | |
| Thị giá mở cửa đầu năm | 7,60 | |
| Thị giá đóng cửa cuối năm | 10,50 | |
| So sánh thị giá 2017 (cuối-đầu) | 2,90 | 138,2% |
| Giá trị vốn hóa công ty tăng thêm tương ứng | 93.222.011.053 | |

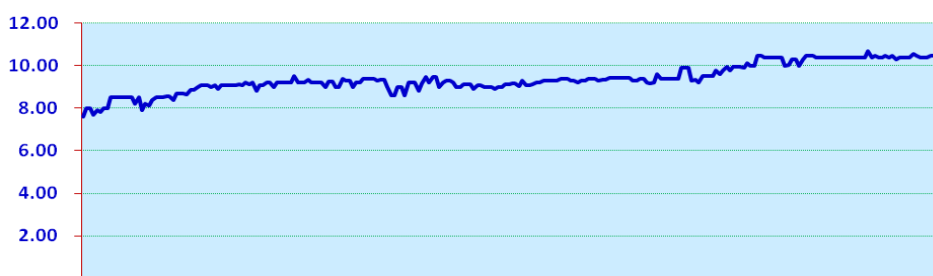
Cơ cấu Thị giá TPC năm 2017



Cơ cấu Giao dịch TPC năm 2017



Biểu đồ thị giá TPC năm 2017 (trên sàn HoSE)



8) Các chứng khoán khác:

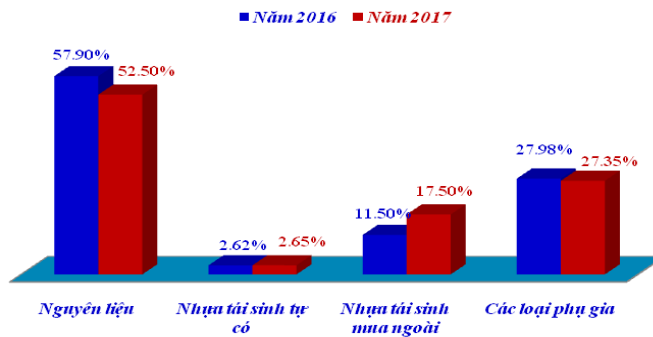
Công ty không phát hành hay giao dịch chứng khoán khác trong năm 2017.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

1) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng nguyên liệu được sử dụng năm 2017:** 9.531.486 Kg.
 Sản lượng năm 2017 cao hơn năm 2016 là 22,33%. Do đầu tư thêm nhiều thiết bị sản xuất mới đưa vào hoạt động.
- Tỷ lệ nguyên liệu tái chế được sử dụng sản xuất năm 2017:** 20,36%
 Tỷ lệ trên cao hơn năm 2016 là 6,24% (năm 2016 là 14,12%), do công ty đã sử dụng 100% phế tự có và tìm được nhà cung cấp có chất lượng PP2 ổn định từ bên ngoài.

Tổng hợp cơ cấu sử dụng nguyên liệu



2) Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

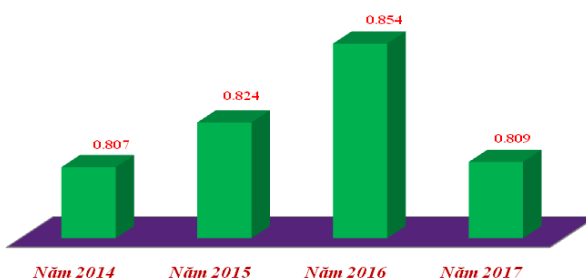
- Lượng điện tiêu thụ trực tiếp cho sản xuất năm 2017: 12.268.400 Kw (tăng 14% so với năm 2016 do tăng sản lượng và đầu tư thêm máy móc thiết bị).
- Lượng điện tiêu thụ của các bộ phận gián tiếp năm 2017 là 440.616 Kw (tăng 8,44% so với 2016, chủ yếu do tăng số lượng công nhân và gia đình sống trong khu lưu trú)..

b) Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (xem thêm chi tiết phần bên dưới):

Tuy chưa sử dụng năng lượng tái tạo, nhưng công ty hết sức chú trọng việc tiết kiệm điện để giảm giá thành sản xuất thông qua các biện pháp sau đây:

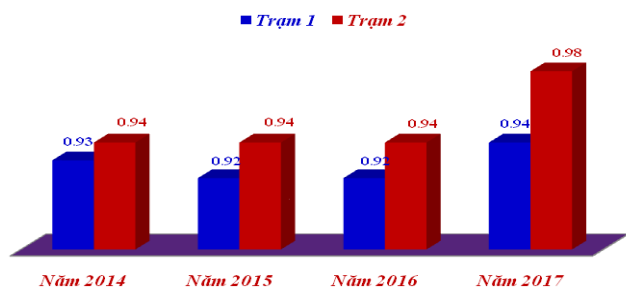
- Lắp đặt hệ thống phụ tải điện hợp lý, kiểm soát hệ số $\cos \Phi$ của điện kế tổng luôn đáp ứng được yêu cầu của ngành điện (yêu cầu $\cos \Phi \geq 0,90$).
- Gắn các điện kế con tại mỗi phân xưởng để theo dõi, đánh giá lượng điện tiêu hao theo đơn vị sản phẩm, thông tin thường xuyên đến các bộ phận để kiểm tra điều chỉnh.
- Liên tục cải tiến MMTB sản xuất, tăng năng suất máy kéo sợi, máy dệt, máy in; cải tạo hệ thống đèn, thay bóng đèn quỳnh quang bằng bóng led, kiểm tra giám sát việc sử dụng tắt mở.
- Giám sát việc tắt mở hệ thống khí nén, qui định sử dụng khí nén từng bộ phận theo thời gian hợp lý, thay đổi các moto VS sang moto thường sử dụng biến tần điều khiển, thay đổi các cụm gia nhiệt contactor sang cụm gia nhiệt ACM, USSR để tiết kiệm điện phần gia nhiệt đáng kể, bảo ôn các điện trở xi lanh và đầu khuôn.
- Kiểm tra loại bỏ các phụ tải không cần thiết, nghiêm cấm lạm dụng cho mục đích cá nhân.

Mức tiêu hao điện năng (Kw/kg sản phẩm)



Mức tiêu hao điện sản xuất ở mức thấp so với trong ngành và giảm so với năm 2016.

Kiểm soát hệ số $\cos \Phi$ các trạm điện



Ngành điện kiểm tra $\cos \Phi$ định kỳ và đạt xuất đều thừa nhân đạt yêu cầu và không phải bù tiêu hao.

3) Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Trụ sở văn phòng sử dụng nguồn nước của TPHCM, nhà máy sử dụng nguồn nước của khu công nghiệp.
- Mức sử dụng năm 2017: 24.960 m³ (tăng 60% so với năm 2016 chỉ là 15.600 m³, năm 2015 chỉ là 12.300 m³). Xu hướng tăng do thay đổi qui trình sản xuất sản phẩm và tăng lượng sử dụng trong khu lưu trú công nhân.

b) **Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng năm 2017:** 6.846 m³, đạt tỷ lệ 27,4% (tỷ lệ năm 2016 là 21%, năm 2015 tỷ lệ là 20%).

4) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

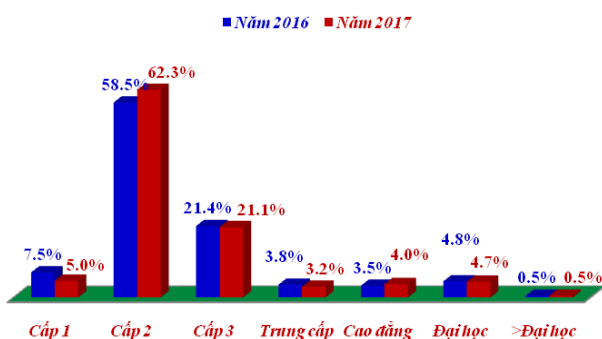
5) Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

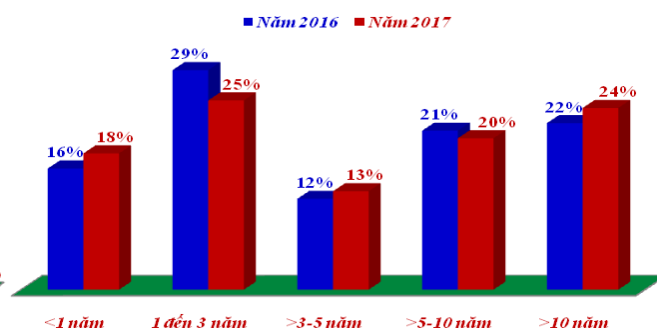
- Tổng số lao động của công ty là 651 người:** gồm 390 lao động nam, 261 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 540 lao động chiếm tỷ lệ 83% trên tổng số lao động (tỷ lệ này năm 2016 là 82,93%).

Tổng số lao động năm 2017 tăng 3,83% so với năm 2016, chủ yếu là công nhân trực tiếp sản xuất, tổng sản lượng so sánh tăng 12,0%, như vậy năng suất lao động tăng hơn 9% so với 2016 (do cải tiến công việc, quy trình sản xuất & cải tiến máy móc thiết bị).

Cơ cấu lao động theo trình độ

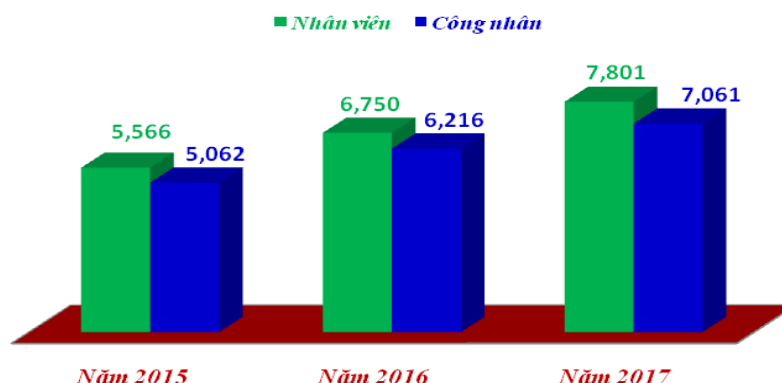


Cơ cấu lao động theo quá trình làm việc



- Thu nhập trực tiếp của CBNV bình quân năm 2017:** tăng 15% so với 2016 (Do các hoạt động cải tiến MMTB, quy trình SX để tăng năng suất lao động; một số khâu phải điều chỉnh đơn giá: Dệt, May, LDPT để thu hút lao động), tiền thưởng cuối năm 2017 bằng 204% bình quân thu nhập tháng trong năm, tăng 12% so với 2016.

Bình quân thu nhập/tháng của người lao động (triệu)



b) Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN:** công ty thực hiện đúng và đủ các chế độ này đúng theo pháp luật và thỏa ước lao động.
- Các chế độ thưởng:** lương tháng 13 (*mức bình quân thu nhập tháng trong năm*), thưởng thâm niên lũy kế, thưởng thành tích ABC (*từ 1 đến 2 tháng thu nhập*).
- Các chế độ chăm sóc, phúc lợi khác:**
 - Có xe đưa rước CB-CNV từ các điểm tập trung đến nơi làm việc.
 - Đảm bảo thời gian nghỉ giữa ca, chế độ phép năm, chế độ phụ cấp tăng ca.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tham quan nghỉ mát hàng năm cho người lao động; tặng quà tất cả dịp lễ tết (*30/4, 2/9, tết Dương lịch, tết Âm lịch*); có chế độ trợ cấp hợp lý các trường hợp tang chế, ma chay, cưới hỏi, thai sản, tai nạn lao động.
 - Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500m² trong khuôn viên công ty (*bố trí 08 nhân viên nấu ăn & phục vụ, cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty, bếp ăn đạt GCN an toàn vệ sinh thực phẩm qua kiểm tra của ngành y tế địa phương*).
 - Khu lưu trú với 50 phòng (*gồm 40 phòng diện tích 60 m² /phòng và 20 phòng diện tích 32 m² /phòng*) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV có nhu cầu. Tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 350 người và một số thân nhân (*gần 50% tổng số lao động, chủ yếu là công nhân nhà ở các tỉnh xa*).
 - Phối hợp với công đoàn tổ chức các phong trào văn thể mỹ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (*hội thi bóng đá, karaoke, v.v...*) chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau:**
 - Đào tạo công nhân mới: 100 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 200 giờ, đào tạo thực hành đứng máy là 4.800 giờ.
 - Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân: 50 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 120 giờ, đào tạo thực hành là 300 giờ.
 - Đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả CNSX: 48 giờ.
 - Đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả đội ngũ quản lý & nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: 48 giờ.
- Đào tạo khác:**
 - Đào tạo về sử dụng an toàn hóa chất (*theo hệ thống MSDS*), sơ cấp cứu, công tác an toàn PCCC, chính sách về trách nhiệm xã hội BSCI & nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật cho đội ngũ quản lý và kỹ thuật Công ty.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng (*đa dạng tay nghề, có thể làm nhiều nghề tùy công nhân đăng ký, nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ*) và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Ưu tiên giải quyết việc làm tại địa phương, thông tin và vận động CBCNV góp phần giữ gìn ANTT, an toàn giao thông, xây dựng lối sống văn hóa trong quan hệ với dân cư địa phương.
- Không ngừng cải tiến công nghệ MMTB kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- Thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường (*hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp*), tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (*kể cả tại khu lưu trú*); nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (*với mức độ khác nhau*): :
 - Do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức: chăm sóc trẻ em nghèo, ủng hộ cứu trợ bão lụt,
 - Các cuộc vận động của các địa phương (*trụ sở và nhà máy*) : ủng hộ xây dựng nhà tình thương, ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo, hỗ trợ công đoàn Huyện Đức Hòa Long An trao học bổng cho con em CB-CNV gia đình nghèo vượt khó.

Phân III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

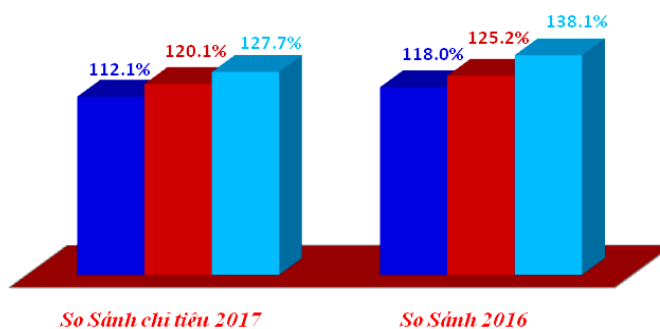
1) Phân tích tổng quan.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau (bảng 1):

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 2017 | Thực hiện 2016 | So Sánh chỉ tiêu 2017 | So Sánh 2016 |
|----|---------------------------------|---------------|----------------|----------------|-----------------------|--------------|
| 1 | Sản lượng bao bì (tấn) | 12.980 | 14.549 | 12.330 | 112,1% | 118,0% |
| 2 | Doanh thu (triệu đồng) | 591.500 | 710.219 | 567.330 | 120,1% | 125,2% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | 23.000 | 29.362 | 21.261 | 127,7% | 138,1% |

Kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 2017

■ Sản lượng bao bì (tấn) ■ Doanh thu (triệu đồng) ■ Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)



b) Kết quả hoạt động năm 2017 (bảng 2):

| CHỈ TIÊU | Năm nay | Năm trước | Tỷ lệ % |
|--|-----------------|-----------------|---------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 735.337.164.685 | 702.107.381.535 | 104,7% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 735.337.164.685 | 702.107.381.535 | 104,7% |
| 4. Giá vốn hàng hóa | 674.064.403.180 | 649.997.979.594 | 103,7% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 61.272.761.505 | 52.109.401.941 | 117,6% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 12.374.446.398 | 11.918.495.486 | 103,8% |
| 7. Chi phí tài chính | 4.807.583.146 | 10.093.541.756 | 47,6% |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay | 5.094.860.735 | 3.722.034.250 | 136,9% |
| 8. Chi phí bán hàng | 15.889.355.102 | 12.577.232.022 | 126,4% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21.248.222.243 | 19.851.761.373 | 107,0% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 31.702.047.493 | 21.505.362.276 | 147,4% |
| 11. Thu nhập khác | 5.262.094.725 | 4.991.097.011 | 105,4% |
| 12. Chi phí khác | 58.542.778 | 51.119.913 | 114,5% |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 5.203.551.947 | 4.939.977.098 | 105,3% |
| 14. Lợi nhuận hoặc lỗ từ Cty Liên doanh liên kết | - | - | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 36.905.599.440 | 26.445.339.374 | 139,6% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 7.542.883.781 | 5.183.837.903 | 145,5% |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 29.362.715.659 | 21.261.501.471 | 138,1% |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 29.362.715.659 | 21.261.501.471 | 138,1% |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông kiểm soát | - | - | |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.381 | 1.000 | 138,1% |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - | |

Lợi nhuận năm 2017 Công ty đạt 29.362,7 triệu so với kế hoạch 23.000 triệu (vượt 6.362,7 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 27,66%), so với cùng kỳ năm trước tăng 8.101,2 triệu đồng (tương ứng tăng 38,10%) do những nguyên nhân như sau:

- **Sản lượng bán hàng:** đạt 14.549 tấn so với kế hoạch 12.980 tấn, tăng 1.569 tấn tương ứng tỷ lệ tăng 12,1%
- **Doanh thu bao bì:** đạt 710.219 triệu đồng so với kế hoạch tăng 118.719,4 triệu đồng tương ứng tăng 20,07%.
- **Chi phí giá vốn:** giảm, do đầu tư mới máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ, tăng năng suất, tăng sản lượng, giảm chi phí sản xuất qua các chương trình cải tiến: cơ cấu tiền lương công nhân bám sát hiệu quả sản xuất, thường xuyên kiểm soát chi phí tiêu nguyên vật liệu, giảm các chi tiêu sản phẩm hỏng, chi phí phế liệu phế phẩm trong sản xuất; tối ưu hóa hàng tồn kho không cần thiết cho sản xuất, tiết giảm chi phí vốn và chi phí lãi vay.
- **Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư ngắn và dài hạn khác:** là 12 tỷ 770 triệu, do tỷ giá đồng đô la mỹ ổn định, tỷ giá đồng usd so với đồng việt nam năm 2017 so với năm 2016 giảm 50 usd (22.760 – 22.710) tương ứng giảm 0,22%, so với năm trước chỉ tiêu này chỉ đạt 6 tỷ 764 triệu đồng, tăng 88,77%

2) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm.

- **Về Marketing:** tiếp cận thành công và trở thành nhà cung cấp bán thành phẩm đề mềm chống lũ cho thị trường Mỹ.
- **Về Máy móc thiết bị:** cùng với đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

| Công đoạn | Sáng kiến cải tiến năm 2017 | Hiệu quả ghi nhận |
|----------------|--|---|
| Kéo sợi | Tiếp cận, nắm bắt công nghệ mới. | Lắp đặt vận hành ổn định máy kéo sợi mới. |
| Dệt | Cải tiến lô nước của 10 máy dệt. | Tăng công suất, giảm đứt chỉ, mặt vải căng đều. |
| | Cải tạo phục hồi các máy dệt 8, 12 thoi | Hoạt động ổn định, đạt các thống số kỹ thuật. |
| | Làm lại ống cuốn vải aquadams. | Giảm công đoạn banh xếp, giảm chi phí SX. |
| | Cải tiến vòng lược máy dệt. | Giảm rung lắc, đùn thoi, dính nhốt. |
| | Làm nắp chụp thoi cho máy dệt 12 thoi. | Tận dụng được các ống chỉ xấu, giảm phế liệu. |
| In | Đề xuất lắp đặt Colona trên tất cả các máy in. | Tăng độ bám mực, cải thiện chất lượng in. |
| | Tách bộ điều khiển cụm motor lô mực | Giảm hư hỏng bánh răng lô mực và lô in. |
| Tráng | Cải tiến lô giải nhiệt máy tráng. | Tái sử dụng những lô đã hư, nghẹt nước. |
| Cắt | Làm lại dàn lên cuộn 15 máy cắt hình. | Giảm công việc lên cuộn, tăng năng suất cắt. |
| | Chuyển bao tráng lộn từ cắt hình sang CMTĐ. | Giảm công đoạn may. |
| | Lập trình lại các máy CMTĐ. | Tăng công suất 121%. |
| | Cải tiến cụm dao cắt nhiệt máy CMTĐ. | Giảm nhòe bao và phế, tăng công suất máy. |
| | Làm các dao cắt vải PP không tráng và lọc mực. | Mở miệng bao không tua, không đọng mực. |
| | Làm tời kéo vải Aquadams. | Giảm cường độ lao động khi căng kéo cuộn vải. |
| | Cải tiến bộ dao bằm & hút biên. | Máy vận hành ổn định, không bị kẹt do phế. |
| May | Cải tiến quy trình may aquadams. | Vận hành ổn định, đạt năng suất và chất lượng. |
| | Cải tiến máy may aquadams. | May được nẹp, không đùn, không cần bàn đỡ. |
| | Cải tiến bộ giá đỡ nẹp viền may bao shopping. | Tăng sản lượng khoảng 10%. |
| Kho | Sắp xếp, nhận dạng lại kho VTPT. | Tận dụng các vật tư tồn kho lâu ngày. |

- **Về hiệu quả kinh doanh:** kết quả lợi nhuận vượt xa so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2017.

II. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài sản

□ So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2017 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)

| TÀI SẢN | Số dư cuối năm | Số dư đầu năm | So Sánh | % tăng/giảm |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|
| A-TÀI SẢN NGẮN HẠN | 412.620.711.483 | 392.268.788.464 | 20.351.923.019 | 5,19% |
| I.Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.862.092.511 | 54.995.857.156 | -37.133.764.645 | -67,52% |
| II.Các khoản đầu tư ngắn hạn | 91.023.691.389 | 142.744.000.000 | -51.720.308.611 | -36,23% |
| III.Các khoản phải thu ngắn hạn | 151.434.902.435 | 104.381.717.434 | 47.053.185.001 | 45,08% |
| IV.Hàng tồn kho | 141.870.567.526 | 81.826.829.529 | 60.043.737.997 | 73,38% |
| V.Tài sản ngắn hạn khác | 10.429.457.622 | 8.320.384.345 | 2.109.073.277 | 25,35% |
| B.TÀI SẢN DÀI HẠN | 231.196.924.656 | 207.554.273.457 | 23.642.651.199 | 11,39% |
| I.Các khoản phải thu dài hạn | | | - | |
| II.Tài sản cố định | 63.667.065.602 | 51.998.662.570 | 11.668.403.032 | 22,44% |
| IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 72.710.713.499 | 54.995.821.949 | 17.714.891.550 | 32,21% |
| V.Tài sản dài hạn khác | 94.819.145.555 | 100.559.788.938 | -5.740.643.383 | -5,71% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 643.817.636.139 | 599.823.061.921 | 43.994.574.218 | 7,33% |
| A.NỢ PHẢI TRẢ | 314.321.799.015 | 284.773.295.980 | 29.548.503.035 | 10,38% |
| I.Nợ ngắn hạn | 314.321.799.015 | 284.773.295.980 | 29.548.503.035 | 10,38% |
| II.Nợ dài hạn | - | - | - | |
| B.VỐN CHỦ SỞ HỮU | 329.495.837.124 | 315.049.765.941 | 14.446.071.183 | 4,59% |
| I.Vốn chủ sở hữu | 329.495.837.124 | 315.049.765.941 | 14.446.071.183 | 4,59% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 643.817.636.139 | 599.823.061.921 | 43.994.574.218 | 7,33% |

- **Tổng giá trị tài sản cuối năm 2017 so với năm 2016 tăng 43.994 triệu đồng, bao gồm:**
 - Tài sản ngắn hạn tăng 20.351 triệu đồng, chủ yếu giảm nguồn tiền vốn lưu động và các khoản đầu tư ngắn hạn 88.853 triệu đồng, tăng dự trữ tồn kho nguyên vật liệu chính 60.043 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 73,38% so với năm trước, vì cuối năm 2017 chiều hướng giá nguyên vật liệu tăng mạnh.Đồng thời với chính sách bán hàng với khách hàng mới, sản phẩm mới, làm cho nợ phải thu của năm 2017 so với năm 2016 tăng 47.053 triệu đồng tương ứng tăng 45,08%.
 - Tài sản dài hạn tăng 23.642 triệu đồng là do thanh lý máy cũ, đầu tư mua mới máy móc thiết bị trị giá một triệu đô la mỹ, tương ứng 22 tỷ đồng việt nam, để tăng công suất sản lượng nhà máy.
- **Nguồn vốn và nợ phải trả:**
 Tổng nguồn vốn đến 31/12/2017 là 643 tỷ đồng so với năm 2016 tăng 43.994 triệu tăng 10,38% chủ yếu là đi vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất xuất khẩu.

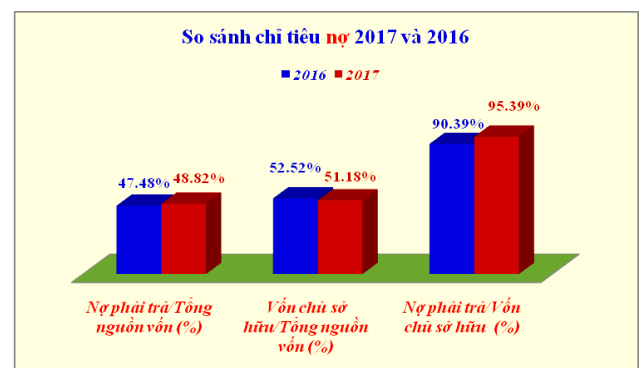
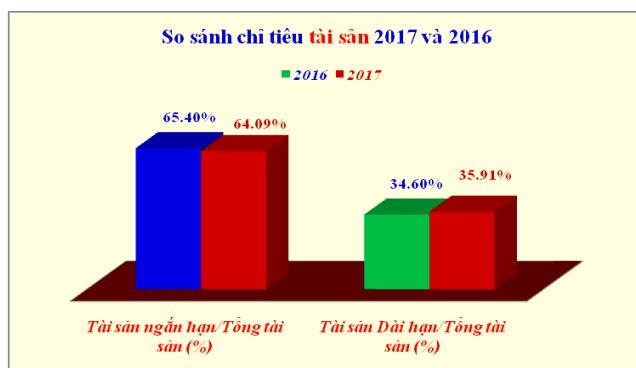
2) So Sánh các chỉ số tài chính năm 2017 và năm 2016 (bảng 4)

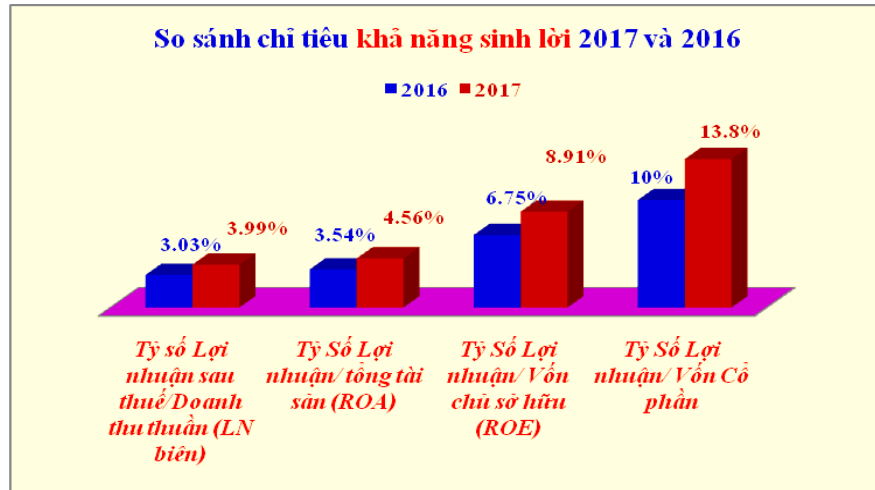
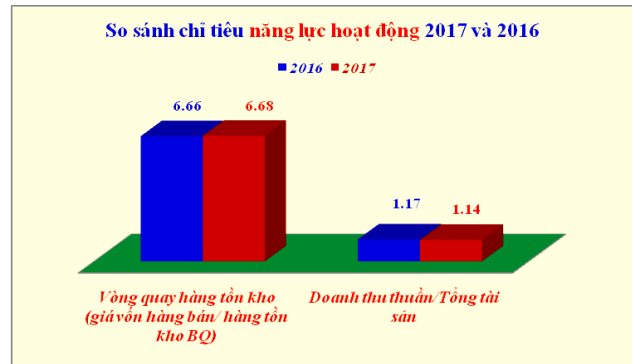
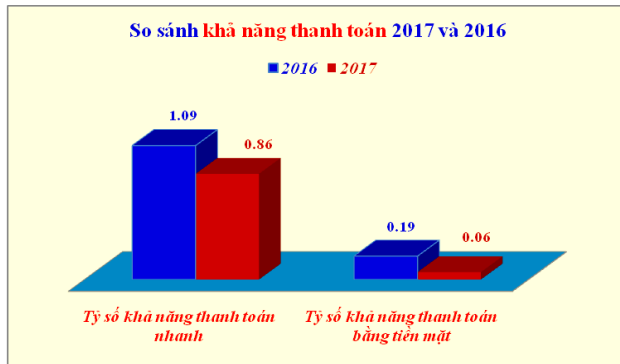
| Chỉ tiêu - chỉ số | 2016 | 2017 | Ghi chú |
|-------------------------------------|--------|--------|---------|
| Tổng Tài Sản | | | |
| ▪ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%) | 65,40% | 64,09% | Giảm |
| ▪ Tài sản Dài hạn/Tổng tài sản (%) | 34,60% | 35,91% | Tăng |
| Nợ phải trả | | | |
| ▪ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%) | 47,48% | 48,82% | Tăng |
| ▪ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%) | 52,52% | 51,18% | Giảm |
| ▪ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%) | 90,39% | 95,39% | Tăng |

| Tỷ Số Lợi nhuận | | | |
|---|-------|-------|------|
| ▪ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên) | 3,03% | 3,99% | Tăng |
| ▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA) | 3,54% | 4,56% | Tăng |
| ▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 6,75% | 8,91% | Tăng |
| ▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần | 10% | 13,8% | Tăng |
| Chỉ tiêu khả năng thanh toán | | | |
| ▪ Tỷ số khả năng thanh toán nhanh | 1.09 | 0.86 | Giảm |
| ▪ Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền mặt | 0.19 | 0.06 | Giảm |
| Chỉ tiêu năng lực hoạt động | | | |
| ▪ Vòng quay hàng tồn kho (<i>giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ</i>) | 6.66 | 6.68 | Tăng |
| ▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1.17 | 1.14 | Giảm |

Tóm lược: trong năm 2017 với tình hình tỷ giá đồng usd với đồng việt nam được ngân hàng nhà nước kiểm soát chặt chẽ, không biến động nhiều như những năm trước, tương ứng giá hạt nhựa nguyên vật liệu so với cùng kỳ năm trước tăng 10,4% , với sự kiểm soát thường xuyên các khoản phải thu, phải trả, kiểm soát cân đối dòng thu dòng chi hợp lý kịp thời ,đã đáp ứng nội lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hoàn thiện, chú trọng quản lý rủi ro, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng đã đạt và hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch, được thể hiện qua các chỉ số tài chính như: tỷ suất lợi nhuận trên các chỉ tiêu Doanh thu tăng 31,86%, Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản và trên nguồn vốn đều tăng lần lượt 28,67%, và 32,05%. So với cùng kỳ năm trước.

Các biểu đồ so sánh các chỉ số tài chính giữa năm 2017 với năm 2016:





III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2017.

1) Về cơ cấu tổ chức

- Sắp xếp lại các công đoạn trong các phân xưởng để phù hợp với qui trình sản xuất sản phẩm, trong đó PX4 chỉ chuyên sản xuất vải aquadams và vải nội địa.
- Sắp xếp & bố trí lại mặt bằng các kho.

2) Về chính sách quản lý

- Tiếp tục cải tiến tiền lương của một số PX sản xuất nhằm kích thích năng suất.
- Triển khai mạnh mẽ các chính sách khen thưởng, bình quân tiền thưởng năm 2017 là 14.658.753 đồng/người, đặc biệt là khen thưởng sáng kiến cải tiến cải tiến máy móc thiết bị và quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng (khen thưởng cho sáng kiến cải tiến năm 2017 tăng 255% so với 2016).

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1) Những dự báo về môi trường kinh doanh năm 2018

- Kinh tế Mỹ và Châu Âu ổn định với mức tăng trưởng tương đương năm 2017, Fed sẽ tăng lãi suất cơ bản nhưng sẽ có sự kiểm soát chặt chẽ hơn về tiền tệ, quan hệ kinh tế giữa các quốc gia sẽ được điều chỉnh nhiều mặt từ quan điểm “First America” và sau khi “Brexit”. Giá dầu thô tăng, kéo theo giá nguyên liệu tăng nhưng sẽ không hơn 10%.
- Tại Việt Nam, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, mức tăng trưởng kinh tế tương đương năm 2017, lãi suất và tỷ giá ổn định, lạm phát được kiểm soát chặt và kiềm chế để không vượt quá 6%.
- Các chi phí đầu vào của sản xuất đều tăng nhưng ngành nhựa Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, cạnh tranh khốc liệt để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tập trung vào các yếu tố giá bán, chất lượng bao bì và thời hạn giao hàng.

2) Định hướng chung:

- Xác định và tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có hiệu quả cao, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết, củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát huy sáng kiến cải tiến liên tục, trong đó chú trọng cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- Đạt vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018, gồm : tổng sản lượng bao bì 13.430 tấn, tổng doanh thu bao bì 622,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 32 tỷ đồng, tỷ lệ phế/tổng sản lượng $\leq 6\%$.

3) Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng, trong đó ưu tiên xuất khẩu vào Mỹ (*vải địa kỹ thuật và aquadams*) và Eurozone. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*).
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.

4) Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

- **Công nghệ:**
 - Nghiên cứu triển khai qui trình sản xuất aquadams thành phẩm.
 - Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi, PX tráng ghép.
 - Tiếp tục cải tiến công thức phối trộn để sử dụng hiệu quả cho các đơn
- **Quản lý chất lượng:**
 - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
 - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và cung ứng gia công.
 - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.
 - Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và đơn vị gia công.
 - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
- **Kỹ thuật Cơ điện:**
 - Đảm bảo thực hiện bảo trì định kỳ, sửa chữa sự cố thiết bị đạt các yêu cầu.
 - Cải tiến dàn thâu máy kéo sợi S1, S2, S3, S5, S7.
 - Cải tiến vòng lược để tăng công suất các máy dệt quadams.
 - Kết hợp PX tráng tìm giải pháp giảm chênh lệch nguyên vật liệu sử dụng so với định lượng chuẩn.
 - Tại Công đoạn In: cải tiến cụm quần cuộn để in vải không tráng, khắc phục tình trạng xếp ly vải in; hỗ trợ khắc phục lỗi mực in dính, tróc.
 - Tại khâu Lộn bao: đánh hông được vải PP không tráng, khắc phục lỗi xéo chữ.
 - Làm hệ thống quần vải aquadams thành phẩm các loại 8f, 10f, 12f, 16f tại khâu may.

5) Về sản xuất và gia công:

- Đảm bảo việc tuân thủ Quy trình sản xuất đã ban hành tại các PX và công đoạn.
- Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- Thực hiện 5S trong tất cả bộ phận sản xuất.
- Tổ chức thực hiện hiệu quả 07 trọng tâm của BPSX : Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (1) Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (2) Giảm lỗi và chống sót lỗi. (3) Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật. (4) Kiểm soát giảm thời gian

- ngừng máy. (5) Tiết kiệm điện và nhiên liệu. (6) Giảm phế liệu phế phẩm. (7) Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
- Tuân thủ qui định báo cáo dữ liệu chính xác, kịp thời và đúng ngày cho BGD & các TBP, các QLPX.
 - Thực hiện gia công đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch 2018.

6) Về Hành Chính Nhân Sự:

- Tuyển dụng:** Tập trung tuyển bổ sung cán bộ quản lý nguồn kế thừa (HCNS, SX, các vị trí kỹ thuật, Tổ trưởng SX giỏi). Tiếp tục cải tiến hoạt động tuyển chọn và sàng lọc trong tuyển dụng nhằm giảm tỷ lệ bỏ việc trong giai đoạn thử việc & đào tạo.
- Đào tạo:** Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo quản lý sản xuất (cấp TTSX, Quản lý Phân xưởng, quản lý kho).
- An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp:** Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ hàng tuần. Nhấn mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLD-VSCN..
- Quản lý hành chính & An ninh trật tự:** Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, tiếp tục nâng cấp đội ngũ bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất an ninh trật tự tại công ty. Nâng cấp máy quét thẻ theo dõi ra vào cổng, nâng cấp đội bảo vệ, triển khai giám sát trên camera. Xây dựng các tiêu chuẩn về trang phục bảo hộ lao động, tăng cường giám sát & xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy định Công ty.
- Phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất:** thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, công đoạn sản xuất, sắp xếp phân bổ máy hợp lý nhằm tăng năng suất lao động.

7) Về tài chính kế toán:

- Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh. Quản trị các rủi ro về tỷ giá và giá cả các nguyên vật liệu/phụ liệu đầu vào tạo sự ổn định cho bộ phận sản xuất.
- Thiết lập cơ sở dữ liệu mới trên phần mềm kế toán, kết chuyển số liệu cũ mang sang giúp hệ thống xử lý số liệu nhanh chóng và kịp thời.
- Tiếp tục duy trì việc quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí. Đề xuất thanh lý các khoản tồn kho lâu, xử lý các khoản công nợ nhằm góp phần đạt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận 2018.
- Hoàn thiện và theo dõi việc tuân thủ quy trình xuất nhập tồn kho, không để xảy ra sai sót.

V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C năm 2017 (trong chứng thư bên dưới).

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

1) Về môi trường:

Công ty đã và đang chủ động thực hiện :

- Tiết kiệm điện nước, tăng sử dụng vật liệu tái sinh để giảm chi phí hoạt động và giá thành sản phẩm.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các qui định.
- Được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan thẩm quyền trong năm 2017.

2) Về người lao động:

- Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.
- Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đãi ngộ chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2017.

3) Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2017, Ban giám đốc tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương (trụ sở văn phòng và nhà máy), nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về ANTT, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



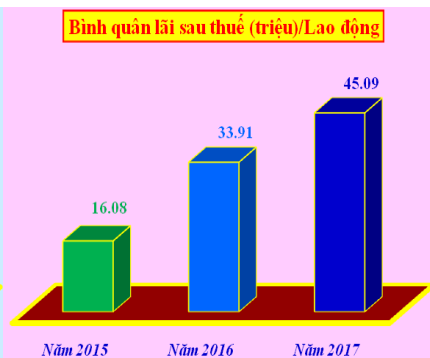
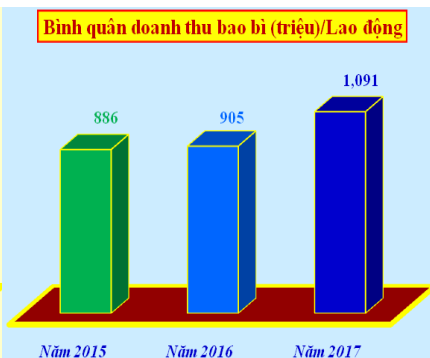
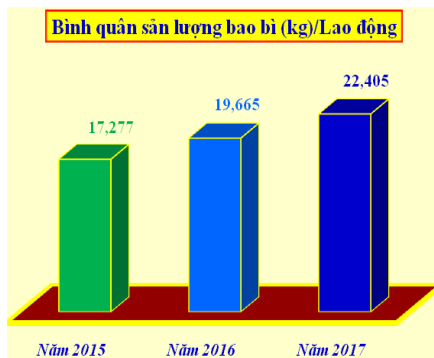
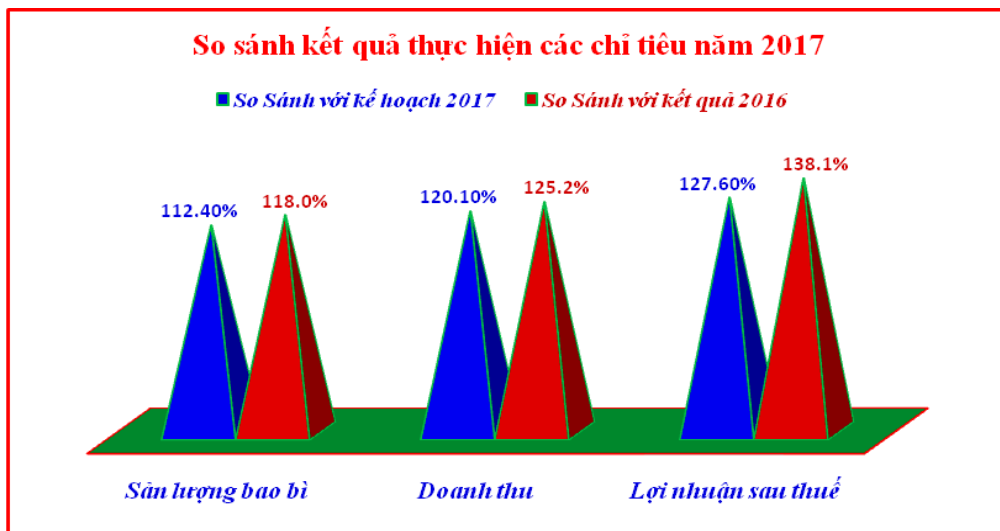
Đánh giá tổng thể:

Trong bối cảnh phức tạp của các địa bàn hoạt động và phải đương đầu với cạnh tranh khốc liệt, tổ chức của công ty vẫn ổn định, hoạt động và quan hệ đúng theo điều lệ quy chế, trong khuôn khổ pháp định.

- Quản trị và điều hành công ty luôn bám sát thực thi định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, các bộ phận chức năng đã phát huy tốt vai trò nhiệm vụ.

- Đặc biệt, năm 2017 đánh dấu bước chuyển mình ngoạn mục của công ty khi tiếp cận thành công và trở thành nhà cung cấp bán thành phẩm của sản phẩm “đê mê chống lũ” (aquadams) cho thị trường Mỹ, mang đến hiệu quả sản xuất kinh doanh rất cao.

Những yếu tố nêu trên có ý nghĩa quyết định làm cho công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đạt kết quả vượt mức các chỉ tiêu hoạt động chủ yếu năm 2017, nhất là về lợi nhuận; tài sản và nguồn vốn tăng, tài chính lành mạnh; củng cố và phát triển uy tín thương hiệu và thị phần của công ty. Năm 2017 cũng là năm thứ ba liên tiếp của nhiệm kỳ HĐQT khóa IV, công ty có sự tăng trưởng mạnh và liên tục.



Biểu đồ các chỉ số phản ánh hiệu quả và tăng trưởng liên tục của công ty từ 2015 đến 2017.

1) Hoạt động kinh doanh và cung ứng gia công đầu vào

- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới và tiềm năng, ưu tiên thị trường xuất khẩu, tăng thị phần những khách hàng cũ và những khách hàng thanh toán tốt và tiềm năng.
- Khai thác thị trường, điều chỉnh kế hoạch đơn hàng và cơ cấu sản phẩm để giữ vững thị phần, chào giá linh hoạt hợp lý, cung cấp đủ đơn hàng để ổn định sản xuất và gia công.
- Tăng cường thông tin 2 chiều với khách hàng, thu thập và phân tích những thông tin về thị phần, giá cả, thị trường, đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả; phản ánh kịp thời mong muốn và yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng.
- Phòng kinh doanh đã phối hợp với các bộ phận liên quan để:
 - Triển khai thành công dây chuyền sản xuất sản phẩm mới (*ống vải aquadams*).
 - Áp dụng thành công hệ thống tiêu chuẩn 5S, một trong những yêu cầu bắt buộc đối với các nhà SX cung cấp sản phẩm cho thị trường Nhật bản (*thị trường tiềm năng cho nhóm hàng bao shopping*).
 - Chuẩn bị toàn diện và tổ chức vượt qua được tất cả các cuộc đánh giá tiêu chuẩn nhà sản xuất do khách hàng thực hiện, một điều kiện cần có để nhận được các đơn hàng bao shopping số lượng lớn của các tập đoàn siêu thị.
- Cung ứng nguyên liệu vật tư dụng cụ phụ tùng kỹ thuật, gia công vật tư đầu vào đáp ứng yêu cầu kịp thời, chất lượng và chi phí hợp lý.
- Phối hợp với kế toán tài chính thường xuyên theo dõi công nợ bán hàng, thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng, phối hợp với các bộ phận thống nhất đưa ra các giải pháp tối ưu về sản xuất và lợi nhuận.

Đánh giá chung: CBNV phòng kinh doanh cung ứng ổn định, thể hiện năng động và trách nhiệm cao, thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và yêu cầu trong kế hoạch kinh doanh năm 2017, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.

2) Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Phát huy hiệu quả việc cảnh báo chất lượng cho các bộ phận trước khi sản xuất, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa sự cố chất lượng của cán bộ công nhân, góp phần đảm bảo chất lượng, giảm lãng phí, phế phẩm.
- Tham mưu các biện pháp khắc phục phòng ngừa và xử lý kịp thời các sự cố chất lượng, tăng cường các hoạt động cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Duy trì hiệu quả của phương pháp lấy mẫu kiểm tra theo tiêu chuẩn MIL-STD-105 (*Military Standard*), giảm thời gian và số lượng mẫu kiểm tra nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.
- Đảm bảo chức năng chuyên trách trong việc hướng dẫn vận hành hệ thống theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; phối hợp tốt giữa nội bộ và bên ngoài nhằm kiểm tra, giám sát hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.
- Quản lý hiệu quả nguồn lực, phân công, điều động hợp lý.

Đánh giá chung: đội ngũ CBNV khá ổn định, hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu trong năm 2017, nâng cao ý thức trách nhiệm về chất lượng của bộ máy sản xuất gia công, góp phần giảm phế, tăng sản lượng, đáp ứng thời hạn giao hàng, phòng tránh khiếu nại của khách hàng.

3) Hoạt động Công nghệ, Kỹ thuật cơ điện

- Triển khai hoàn tất qui trình sản xuất đơn hàng aquadams.
- Xác định các thông số kỹ thuật, tham gia đàm phán, tiếp nhận và hoàn tất việc lắp đặt các máy móc thiết bị mới đưa vào hoạt động đạt yêu cầu, phối hợp các bộ phận chức năng và phân xưởng hướng dẫn kỹ thuật xếp đậy gấp đôi, tăng sản lượng và lấy lại định mức khâu cắt. Triển khai thành công hệ thống chông hình tự động trên máy tráng ghép. Cải tiến chất lượng thông qua lắp Melt bơm và đầu khuôn mới
- Chủ động thực hiện hoạt động bảo trì định kỳ phù hợp với kế hoạch SX và nhân sự, sửa chữa hư hỏng MMTB phát sinh, đáp ứng các yêu cầu kịp thời, tiết kiệm vật tư kỹ thuật, góp phần quan trọng cải thiện chất lượng, sản lượng các mặt hàng nội địa và aquadams.

- Tổ chức lại kho vật tư kỹ thuật dễ kiểm soát và theo dõi; xây dựng định mức tồn kho tối thiểu; lập dự trù cho từng nhóm vật tư thiết yếu của các thiết bị trọng yếu.
- Phân bổ phụ tải hợp lý đủ công ty tăng cường thêm MMTB; đảm bảo hệ số $\cos\psi$ trong giới hạn cho phép > 0.90 ; giảm sát kiểm tra sử dụng và an toàn điện theo các định mức và qui định; đảm bảo hệ thống cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

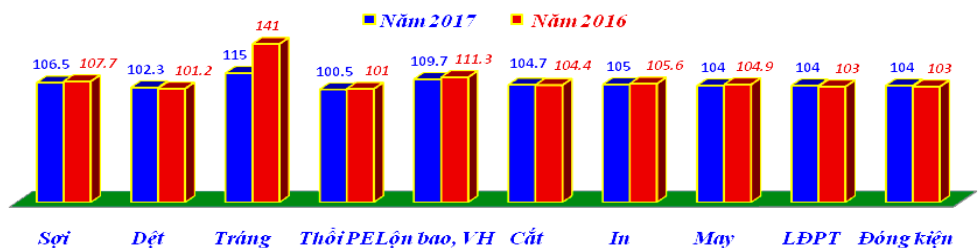
Đánh giá chung : đội ngũ CBNV công nghệ kỹ thuật ổn định, đã hoàn thành rất tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm 2017, nhất là trong hoạt động kiểm soát phối trộn nguyên liệu, lắp đặt các MMTB mới và cải tiến các thông số kỹ thuật vận hành MMTB, góp phần rất quan trọng nâng cao hiệu quả sản xuất.

4) Hoạt động sản xuất và gia công sản xuất

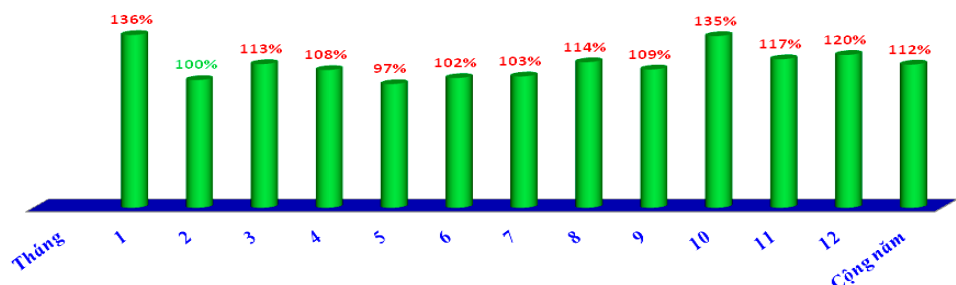
- Hoạt động kế hoạch điều độ sản xuất đã duy trì sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với sản xuất trong xác định năng lực sản xuất nội bộ và gia công, hoạch định tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng
- Làm tốt công tác thống kê sản xuất và cung cấp thông tin cần thiết đến các phân xưởng và cho các bộ phận có nhu cầu. Kiểm tra giám sát kịp thời, phát hiện điều chỉnh nhanh những sai sót về qui trình, sản lượng, chất lượng sản phẩm.
- Năm 2017, trong điều kiện cơ cấu sản phẩm thay đổi, đơn hàng có lúc không đồng bộ, thay thế và lắp đặt thêm nhiều MMTB mới, có những giai đoạn thiếu công nhân phải làm cao đêm, có lúc nghỉ chờ việc do thiếu đơn hàng cục bộ, mặc dù gặp những khó khăn nhưng hoạt động quản trị sản xuất và gia công may đã đạt những kết quả:
 - Năng suất các công đoạn trong qui trình của nhà máy đều đạt cao hơn định mức.
 - Gia công may bao shopping tăng 112% so với 2016 (tăng 107% so với 2015).
 - Sản lượng thành phẩm đạt 112.8% so với chỉ tiêu 2017 (tăng 118,2% so với kết quả 2016), năng suất đạt 105,6%.
 - Không có trường hợp trễ thời hạn giao hàng.
 - Tỷ lệ phân nân khiếu nại sau khi giao hàng giảm so với năm 2016.
 - Tỷ lệ phế/thành phẩm được kèm chế, đạt 5,6% (thấp hơn chỉ tiêu cho phép 6%).

Đánh giá chung: hoạt động sản xuất gia công, CBNV kế hoạch điều độ và các CBQL sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành xuất sắc vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất năm 2017, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của công ty năm 2017.

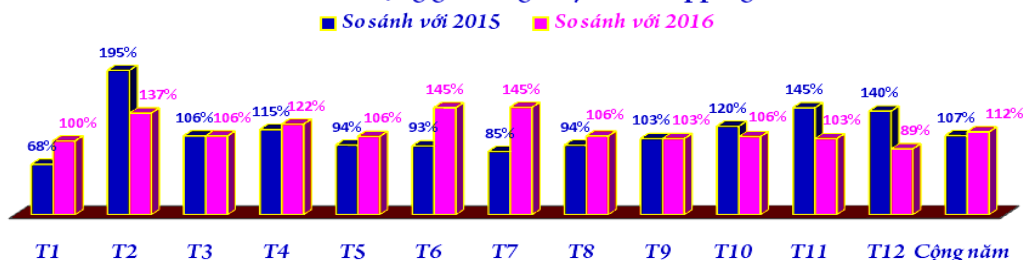
Năng suất công đoạn so với định mức sản xuất 2017 (%)



Kết quả sản lượng so với kế hoạch điều độ SX 2017



So sánh sản lượng gia công may bao shopping 2017

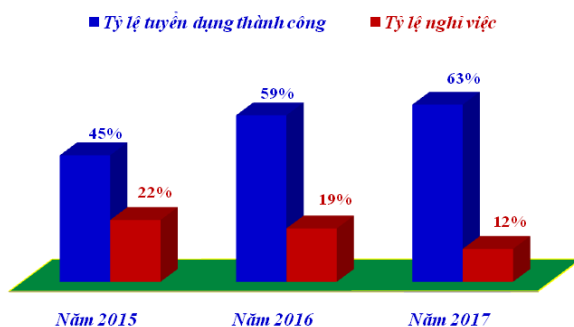


5) Hoạt động hành chính và nhân lực

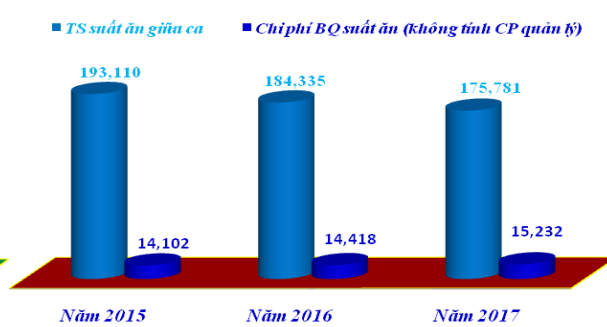
- Tuyển dụng đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân sự cho sản xuất, tỷ lệ tuyển dụng thành công tăng, tỷ lệ nghỉ việc đã giảm rất nhiều so với các năm trước. Tổng số lao động tăng 103,8% so với 2016.
- Thực hiện đầy đủ các chương trình đào tạo năm 2017 (cho công nhân mới, qui lao động và các qui chế, chính sách chất lượng, ATLD, PCCC, nâng cao tay nghề CN cũ).
- Thực hiện đúng và đủ hệ thống chính sách lao động của công ty, trong đó:
 - Cập nhật định mức kịp thời theo các dự án cải tiến MMTB & quy trình sản xuất, cải tiến chính sách tiền lương một số khâu may, LĐPT, ... khuyến khích công nhân vận hành máy tăng năng suất lao động, lập tính lương chính xác và kịp thời.
 - Cung cấp 175,781 suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ và không xảy ra lãng phí trong điều kiện tất cả giá lương thực thực phẩm đều tăng so với năm 2016.
- Về lĩnh vực hành chính:
 - Vệ sinh công nghiệp được duy trì, có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở để đảm bảo an toàn lao động, số vụ TNLĐ giảm nhiều so với năm 2016.
 - Tiết kiệm sử dụng vật tư văn phòng phẩm, làm tốt việc điều phối sử dụng xe, kiểm soát lộ trình và định mức xăng dầu phòng tránh lạm dụng, lãng phí.
 - Bảo mật những thông tin sản xuất kinh doanh, phòng tránh rủi ro từ hệ thống mạng internet và các quan hệ giao dịch. Duy trì giám sát ca đêm có ký nhận giữa tổ bảo vệ và các tổ trưởng, kỹ thuật, vận hành hệ thống camera giám sát ANTT, ghi hình các trường hợp vi phạm làm bằng chứng xử lý các vi phạm nội qui qui chế làm việc. Công tác PCCC thực hiện tốt.
 - Duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền sở tại.
- Hạn chế:
 - Chưa triển khai một số chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ kho, quản lý cấp cơ sở và cấp trung trong năm
 - Số công vắng trong năm tăng, tỷ lệ vắng do thiếu đơn hàng cục bộ tăng so với năm 2016 (do mùa trùng đơn hàng cuối năm, khác hẳn những năm trước).
 - Tình trạng công nhân vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2017 vẫn tương đương 2016. Còn xảy ra 02 trường hợp phải sa thải do gây mất trật tự trong khu lưu trú.
 - Việc kiểm soát ra vào cổng của Bảo vệ còn lỏng lẻo để xảy ra 01 trường hợp mất trộm trong năm 2017 (Đội Bảo vệ chuyên nghiệp đã phải bồi hoàn cho Công ty).

Đánh giá chung: Bộ phận HCNS đã hoàn thành tốt vai trò chức năng nhiệm vụ được giao trong năm 2017, nổi bật là nhóm CBNV hành chính và nhà ăn, hoạt động tuyển dụng đào tạo bổ sung công nhân đạt kết quả cao hơn hẳn năm 2016.

So sánh tỷ lệ tuyển dụng và nghỉ việc



Cung cấp suất ăn giữa ca



6) Hoạt động tài chính và kế toán

- Về quản lý nhân viên:
 - Cơ cấu nhân sự PKT không thay đổi (01 nhân viên nghỉ hộ sản nhưng có nhân viên khác kiêm nhiệm).
 - Bổ sung thêm 01 thủ kho Thành phẩm (hàng nội địa) trực tiếp giám sát kiểm tra kiểm soát quy trình xuất nhập kho, sắp xếp và thanh lý hàng tồn lâu.
 - Hỗ trợ việc cập nhật thông tin, kịp thời cung cấp cho các bộ phận liên quan.
- Quản lý nghiệp vụ kế toán:
 - Kiểm soát chặt chẽ thu chi và thanh toán không xảy ra tình trạng nợ xấu.
 - Quản lý và thường xuyên phân tích nguyên nhân tăng giảm các loại chi phí và có biện pháp xử lý kịp thời.
 - Thanh tra quyết toán thuế với cơ quan Thuế với kết quả tốt, thanh tra kiểm tra sau hoàn thuế, thanh kiểm tra với Hải Quan về việc tạm nhập tái xuất với kết quả tốt.
 - Các báo cáo tài chính và kế toán luôn đúng thời hạn, không có các sai sót trọng yếu.
- Quản lý vốn và dòng tiền:
 - Đảm bảo tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định
 - Cân đối thu chi kịp thời đáp ứng tiến độ thanh toán các khoản chi đúng hạn.
- Quản lý và sắp xếp kho bãi:
 - Đã cải tiến việc sắp xếp kho bãi, vẽ sơ đồ kho (nhưng vẫn còn xảy ra việc cập nhật số liệu xuất nhập chưa kịp thời nên cần chấn chỉnh thêm).
 - Tăng cường kiểm tra thực tế tại các kho, đề xuất thanh lý gần hết các khoản tồn kho lâu.

Đánh giá chung: Phòng TCKT đã hoàn thành tốt các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2017. Cần phát huy hơn nữa vai trò trung tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ, khả năng tham mưu của kế toán quản trị đối với bộ máy điều hành, phòng tránh tối đa sai sót số liệu và thời hạn báo cáo.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty



- Ban giám đốc luôn sâu sát nắm chắc tình hình tổ chức hoạt động chung của công ty cũng như từng bộ phận và phân xưởng.
 - Từng cán bộ quản lý đều thể hiện tốt trách nhiệm, lòng tự trọng và tinh thần hợp tác trong các hoạt động vì lợi ích chung của công ty, tôn trọng các chính sách qui chế qui trình làm việc, phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt bộ phận, triển khai và giám sát kiểm tra các hoạt động thuộc trách nhiệm được phân công.
- Trong các hoạt động, chú trọng bàn bạc, tham vấn, tham mưu trong Ban giám đốc và giữa các giám đốc trưởng bộ phận chức năng (có mở rộng đến các nhân viên nòng cốt khi cần thiết), từ đó phát huy được vai trò và khả năng của cá nhân; các chủ trương và ý định được xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định điều hành nên được cấp dưới và tuyệt đại đa số CBCN có liên quan đồng tình thực hiện.
 - Trong tổ chức thực hiện, thể hiện sự năng động, nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo, chịu nghiên cứu học hỏi, biết sử dụng các nguồn lực tiết kiệm và hiệu quả, biết đúc kết kịp thời các kinh nghiệm.

Hội đồng quản trị trân trọng và đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận, đem lại những kết quả xuất sắc trong năm 2017.

Hội đồng quản trị đề nghị Ban giám đốc chú trọng những hoạt động sau đây trong năm 2018:

- 1) Nghiên cứu, đề xuất chiến lược và kế hoạch phát triển công ty theo hướng công nghiệp 4.0.
- 2) Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng, xem đây là hai yếu tố cạnh tranh đặc biệt trong giai đoạn tới.
- 3) Thường xuyên đánh giá định vị các sản phẩm chủ yếu để có những giải pháp, biện pháp củng cố các lợi thế cạnh tranh trong thị trường mục tiêu.
- 4) Tăng cường tìm nguồn thông tin nghiên cứu áp dụng công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có tính cạnh tranh cao mang đến lợi nhuận cao và các sản phẩm đáp ứng được xu thế thân thiện hơn với môi trường.
- 5) Đề cao hơn nữa tính chủ động của các trưởng bộ phận, trách nhiệm của từng cán bộ điều hành đối với tổ chức, hoạt động và kết quả trong từng lĩnh vực, bộ phận được giao; biểu dương và khen thưởng kịp thời hơn nữa đề động viên người có thành tích mang đến hiệu quả chung cho công ty và từng lĩnh vực.
- 6) Khắc phục những hạn chế tồn tại (*nhất là những vấn đề lặp lại nhiều lần*) của các bộ phận chức năng, tiếp tục cải tiến các giải pháp cải thiện kết quả tuyển dụng đào tạo công nhân.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống tương đối ổn định, thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững, mặc dù thị trường đang có những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Trong năm 2018, HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động sau đây nhằm nâng cao hơn nữa qui mô và hiệu quả hoạt động của công ty:

- 1) Trong các quan hệ với các đối tác, luôn tìm cách giới thiệu và hỗ trợ cho Ban giám đốc tìm kiếm và khai thác cơ hội thị trường.
- 2) Tạo điều kiện tiếp cận, nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.
- 3) Tiếp tục đầu tư đổi mới và tăng thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tăng năng suất, sản lượng, tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.
- 4) Mở rộng quan hệ, tìm các cơ hội hợp tác liên kết trong ngành và chuỗi giá trị (*trong và ngoài nước*), đầu tư vào các dự án dài hạn khác để giá tăng vị thế công ty và hiệu quả sử dụng vốn.
- 5) Tạo điều kiện cho đào tạo năng lực quản trị, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thúc đẩy mạnh phát triển đội ngũ kế thừa.
- 6) Co những định hướng, ra quyết định kịp thời về chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của công ty luôn hiệu quả.
- 7) Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.
- 8) Đảm bảo quan hệ cổ đông theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của pháp luật.

Phân V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1) Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2017.

| TT | Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm | Số lượng cp sở hữu có quyền biểu quyết | Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết | Ghi Chú |
|----|--------------------------|-----------|---------------|--|---------------------------------------|--------------|
| 1 | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương | CT HĐQT | 27/04/2016 | 896.700 | 3,67% | Tái bổ nhiệm |
| 2 | Bà Tôn Thị Hồng Minh | PCT HĐQT | 27/04/2016 | 304.000 | 1,24% | Tái bổ nhiệm |
| 3 | Ông Phạm Văn Mẹo | TvTHĐQT | 27/04/2016 | 35.000 | 0,14% | Tái bổ nhiệm |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | T/v HĐQT | 27/04/2016 | 127.160 | 0,52% | Tái bổ nhiệm |
| 5 | Ông Phạm Trung Cang | T/v HĐQT | 27/04/2016 | 3.223.220 | 13,19% | Mới bổ nhiệm |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Hùng | T/v HĐQT | 27/04/2016 | 26.400 | 0,11% | Tái bổ nhiệm |
| 7 | Ông Trần Hữu Vinh | T/v HĐQT | 27/04/2016 | 7.000 | 0,03% | Tái bổ nhiệm |

Cơ cấu và nhân sự của HĐQT trong năm 2017 không thay đổi so với năm 2016.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội Đồng Quản Trị:



Bà PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG

**Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Kiêm Tổng Giám Đốc**

- Tốt nghiệp Đại học Chapman Hoa Kỳ, ngành Tài chính Marketing.
- 01 năm làm chuyên viên nghiên cứu thị trường & Phát triển khách hàng Cty Phát triển Địa ốc Continental East Development (Hoa Kỳ).
- 01 năm chuyên viên Quản lý Rủi ro ngân hàng ACB.
- Tham gia và là Chủ Tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2013.



Bà TÔN THỊ HỒNG MINH

**Phó CTHĐQT
Phó TGD & GD Kinh Doanh.**

- Tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kinh doanh công ty từ năm 1997.
- Giám đốc kinh doanh công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2000.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007.



Bà NGUYỄN THỊ THANH LOAN

**Thành viên HĐQT
kiêm GD Tài chính**

- Thạc sĩ ngành TCKT.
- 09 năm kế toán tổng hợp công ty Tổng hợp quận 6 TPHCM.
- Làm việc tại phòng TCKT công ty và là Kế toán trưởng từ năm 1993.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007.



Ông PHẠM TRUNG CANG
Thành viên HĐQT

- Tốt nghiệp Đại Học Kinh tế.
- Hoạt động SXKD ngành nhựa bao bì và sáng lập công ty Tân Đại Hưng từ năm 1978.
- Từ 1993-2007: Chủ tịch kiêm TGD công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Từ 2007-2013: Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng
- Là một thành viên sáng lập ngân hàng ACB, tham gia quản trị ACB từ khi thành lập đến 2007.
- Thành viên HĐQT Eximbank từ 2007-2013.
- Tái nhiệm thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2016 đến nay.



Ông PHẠM VĂN MỆO
Thành viên HĐQT-PTGD
kiêm GD Nhà máy (công ty con: Công ty TNHH TĐH).

- Tốt nghiệp Trung cấp Hành chính.
- Hoạt động trong ngành bao bì nhựa từ 1983.
- Phó TGD Công ty từ 1993-2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG
Thành viên HĐQT

- Tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
- Tham gia quản trị doanh nghiệp từ 1990.
- Phó TGD kiêm Giám đốc HCNS công ty 2005-2007
- PCT HĐQT kiêm TGD công ty từ 2007 đến 2013.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông TRẦN HỮU VINH
Thành viên HĐQT

- kiêm Giám đốc SX và gia công.*
- Tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
 - Làm việc tại phòng kế hoạch sản xuất công ty từ năm 1999.
 - Giám đốc SX công ty từ năm 2007.
 - Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.

2) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT công ty không có tiểu ban.

3) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT hoạt động đúng theo điều lệ công ty, tập trung vào các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2017, chiến lược kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch năm 2017, đánh giá tình hình kết quả hoạt động công ty năm 2017 và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2017.
- Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia

trong hoạch định, quyết định các các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.

- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 27/04/2017 đúng theo luật pháp và điều lệ công ty.
- Trong năm qua, HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Quyết định chủ trương sử dụng ngoại tệ, thay đổi đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên vật liệu, chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
 - Quyết định chính sách và chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả làm việc và thừa nhận thành tích của cán bộ nhân viên và công nhân.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2016 theo nghị quyết ĐHĐCĐ 27/04/2017.
 - Thực hiện đầy đủ các qui định về báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị luôn luôn đồng hành cùng với các hoạt động Công ty như bám sát tình hình sản xuất kinh doanh qua các buổi họp đánh giá hàng tháng và hàng quý của Ban Giám đốc, đưa ra những đánh giá, dự báo, định hướng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty.
- **Các cuộc họp hội đồng quản trị trong năm 2017:**

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|----|--------------------------|------------|--------------------------|-------|---------------------|
| 1 | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương | Chủ tịch | 06/07 | 85,7% | Đi công tác |
| 2 | Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó CT | 07/07 | 100% | |
| 3 | Ông Phạm Văn Mẹo | Thành viên | 07/07 | 100% | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên | 07/07 | 100% | |
| 5 | Ông Trần Hữu Vinh | Thành viên | 07/07 | 100% | |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Hùng | TV độc lập | 07/07 | 100% | |
| 7 | Ông Phạm Trung Cang | Thành viên | 07/07 | 100% | |

- **Các nghị quyết của HĐQT thực hiện trong năm 2017.**

| TT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----|------------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ.HĐQT.2017 | 22/01/2017 | Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động quý 4/2016, Xác lập phương hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 |
| 2 | 02/NQ.HĐQT.2017 | 27/02/2017 | Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2017. |
| 3 | 03/NQ.HĐQT.2017 | 24/03/2017 | Thông qua báo cáo thường niên 2017 và các tờ trình chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông. |
| 4 | 04/NQ.HĐQT.2017 | 24/04/2017 | Đánh giá kết quả kinh doanh quý 01/2017, thông qua báo cáo tài chính quý Hợp nhất 01/2017, xác lập phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh quý 02/2017. |
| 5 | 01/NQ.ĐHĐCĐ.2017 | 27/04/2017 | Tổ Chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2017, Thông qua báo cáo hoạt động năm 2016, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017, phương án chi trả cổ tức, và các tờ trình khác có liên quan |
| 6 | 05/NQ.HĐQT.2017 | 18/08/2017 | Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017, thẩm định thông qua báo cáo tài chính soát xét bởi Cty kiểm toán A&C lập, xác lập phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2017. |
| 7 | 06/NQ.HĐQT.2017 | 16/10/2017 | Đánh giá KQKD 9 tháng /2017, xác lập phương hướng hoạt động quý 04/2017. |

HDQT triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quá trình thực hiện có sự phối hợp với ban kiểm soát và sâu sát nắm vững tình hình tổ chức hoạt động của bộ máy điều hành và của các lĩnh vực chức năng, kết quả thực hiện tốt các nghị quyết trong năm dẫn đến hiệu quả tốt đẹp chung của công ty năm 2016 .

- 5) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (chỉ có 01 thành viên HDQT độc lập).**
- Không tham gia vào hoạt động điều hành.
 - Tham gia đầy đủ và nêu ý kiến tham gia biểu quyết. trong các cuộc họp HDQT, góp ý vào các hoạt động của HDQT và của công ty, góp ý vào các văn bản của HDQT.
- 6) **Không có thành viên HDQT tham gia đào tạo về quản trị công ty trong năm 2017.**

II. Ban Kiểm soát

1) **Danh sách Thành viên và của Ban Kiểm Soát (BKS) và tỷ lệ sở hữu cổ phần :**

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số lượng cp sở hữu cp có quyền biểu quyết | Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết |
|-----|---------------------------|------------|--|---|---------------------------------------|
| 1 | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | 27/04/2016 | 2.050 | 0,10% |
| 2 | Bà Đào Thanh Tuyền | Thành viên | 27/04/2016 | 33.600 | 0,16% |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Dũng | Thành viên | 27/04/2016 | 0 | 0% |

Cơ cấu và nhân sự BKS trong năm 2017 không thay đổi so với năm 2016.

Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm Soát

| | | |
|--|---|--|
|  |  |  |
| <p>Ông LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA <i>Trưởng Ban Kiểm Soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Thạc sĩ ngành TCKT. <input type="checkbox"/> Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1999. <input type="checkbox"/> Kế toán trưởng công ty TNHH TĐT từ 2006. <input type="checkbox"/> Tham gia Ban kiểm soát từ năm 2007. | <p>Bà ĐÀO THANH TUYỀN <i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Thạc sĩ ngành TCKT. <input type="checkbox"/> Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1998. <input type="checkbox"/> Thành viên HDQT từ 2007-2011 <input type="checkbox"/> Thành viên Ban kiểm soát từ 2012 đến nay. | <p>Ông NGUYỄN THANH DŨNG <i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Tốt nghiệp Đại Học Công nghệ Kỹ thuật. <input type="checkbox"/> Làm việc tại công ty từ năm 2000, phụ trách về công nghệ kỹ thuật sản xuất <input type="checkbox"/> Thành viên Ban kiểm soát từ năm 2016. |

2) **Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017**

a) **Ban Kiểm Soát đã tham gia các buổi dự họp với các thành viên HDQT :**

| Stt | Thành viên HDQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | 07/07 | 100% | |
| 2 | Bà Đào Thanh Tuyền | Thành viên | 07/07 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Dũng | Thành viên | 07/07 | 100% | |

Kết quả các cuộc họp với HĐQT :

- HĐQT đã chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Cty.
- Nội dung các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong năm 2017 được thực thi, công bố thông tin theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và hoàn thành tốt các chỉ tiêu đặt ra.

b) Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

- Thực hiện theo đúng chức năng, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp, tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính từng quý, xem xét tính hợp lý, hợp pháp các qui trình, qui chế nội bộ của Công ty

c) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Thường xuyên phối hợp, trao đổi thảo luận giữa BKS và HĐQT, Ban giám đốc và các trưởng phòng ban
- Biên bản họp HĐQT của Công ty đều được gửi đến các thành viên ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

d) Đánh giá báo cáo sơ kết, báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán:

- BKS đã phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- Về báo cáo tài chính năm 2017 của công ty : đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

e) Đánh giá chung hoạt động của BKS :

- Trong năm 2017, BKS đã hoàn thành chức năng kiểm tra và giám sát các hoạt động của HĐQT và BGD Cty.
- HĐQT và BGD Cty đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực thi nhiệm vụ.

3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của BKS:

- a) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.
- b) Không có Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
- c) Không có Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : HĐQT và BGD Cty đã thực hiện các quy định về quản trị Cty. Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT và BGD được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT và BGD phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Cty.

4) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

- a) BKS sẽ tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- b) Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty.
- c) Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm của công ty.
- d) Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD để nắm bắt và đánh giá chính xác hoạt động SXKD của Cty.
- e) Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- f) Thực hiện các công tác khác theo quy định.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

1) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

| Stt | Tên cá nhân | Chức vụ | Số tiền thù lao năm 2017 (VNĐ) | Ghi chú |
|--------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------------|---------|
| Hội đồng quản trị | | | | |
| 1 | Phạm Đỗ Diễm Hương | CT.HĐQT | 80.000.000 | |
| 2 | Tôn Thị Hồng Minh | Thành viên HĐQT | 80.000.000 | |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên HĐQT | 80.000.000 | |
| 4 | Phạm Văn Mẹo | Thành viên HĐQT | 80.000.000 | |
| 5 | Phạm Trung Cang | Thành viên HĐQT | 80.000.000 | |
| 6 | Nguyễn Văn Hùng | Thành viên HĐQT | 80.000.000 | |
| 7 | Trần Hữu Vinh | Thành viên HĐQT | 80.000.000 | |
| Ban kiểm soát | | | | |
| 1 | Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng BKS | 60.000.000 | |
| 2 | Đào Thanh Tuyền | Thành viên BKS | 60.000.000 | |
| 3 | Nguyễn Thanh Dũng | Thành viên BKS | 60.000.000 | |
| | Tổng cộng | | 740.000.000 | |

2) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

Trong năm 2017, chỉ có những giao dịch như sau:

| | Họ và tên | Sở hữu trước GD | Mua | Sở hữu sau GD | Tỷ lệ |
|-----------------------|-------------------|-----------------|---------|---------------|-------|
| Cổ đông lớn | Trương Thị Lệ | 1.063.360 | 170.080 | 1.233.440 | 5,80% |
| Cổ đông nội bộ | Tôn Thị Hồng Minh | 104.000 | 200.000 | 304.000 | 1,43% |

3) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có giao dịch trong năm 2017.

4) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- HĐQT và BGĐ Cty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Cty.
- Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.
- HĐQT phân công người duy trì quan hệ với Sở Giao dịch chứng khoán, thường xuyên trao đổi thông tin và tham vấn khi cần thiết, cử người tham dự các cuộc họp và các khóa học, thực hiện đúng và đủ chế độ báo cáo đến Sở GDCK TPHCM và UBCKNN.

PHẦN VI. BÁO CÁO KIỂM TOÁN

I. Ý kiến kiểm toán.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0221/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1182-2018-008-1



II. Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi công ty A&C (Bộ BCTC đầy đủ được công bố và lưu trữ tại website công ty tandaihungplastic.com)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 412.620.711.483 | 392.268.788.464 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 17.862.092.511 | 54.995.857.156 |
| 1. Tiền | 111 | | 17.862.092.511 | 38.870.732.156 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 16.125.125.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 91.023.691.389 | 142.744.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 91.023.691.389 | 142.744.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 151.434.902.435 | 104.381.717.434 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 140.264.617.963 | 98.086.392.238 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 3.080.078.710 | 354.571.500 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 9.384.473.902 | 8.881.880.328 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6, V.17 | (1.294.268.140) | (2.941.126.632) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 141.870.567.526 | 81.826.829.529 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 141.870.567.526 | 81.826.829.529 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.429.457.622 | 8.320.384.345 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 387.589.364 | 297.087.270 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 10.041.231.103 | 7.882.102.538 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.11 | 637.155 | 141.194.537 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 231.196.924.656 | 207.554.273.457 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 63.667.065.602 | 51.998.662.570 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 63.667.065.602 | 51.998.662.570 |
| - Nguyên giá | 222 | | 143.902.402.367 | 124.915.973.246 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (80.235.336.765) | (72.917.310.676) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 164.800.000 | 164.800.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (164.800.000) | (164.800.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 72.710.713.499 | 54.995.821.949 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2 | 17.058.831.352 | 17.058.831.352 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2 | (2.848.117.853) | (4.063.009.403) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 58.500.000.000 | 42.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 94.819.145.555 | 100.559.788.938 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 94.819.145.555 | 100.559.788.938 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 643.817.636.139 | 599.823.061.921 |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 314.321.799.015 | 284.773.295.980 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 314.321.799.015 | 284.773.295.980 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 38.726.245.655 | 20.064.215.157 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 2.733.790.682 | 2.075.414.314 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 3.166.627.296 | 1.856.610.289 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.12 | 10.100.231.957 | 11.656.489.854 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 326.475.398 | 195.602.364 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 2.610.897.472 | 2.297.518.651 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 256.657.530.555 | 246.627.445.351 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 329.495.837.124 | 315.049.765.941 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 329.495.837.124 | 315.049.765.941 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.16 | 244.305.960.000 | 244.305.960.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 244.305.960.000 | 244.305.960.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.16 | 86.242.518.451 | 86.242.518.451 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.16 | (40.632.476.860) | (40.632.476.860) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.16 | 39.579.835.533 | 25.133.764.350 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 3.817.119.874 | 3.872.262.879 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 35.762.715.659 | 21.261.501.471 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 643.817.636.139 | 599.823.061.921 |



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 735.337.164.685 | 702.107.381.535 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 735.337.164.685 | 702.107.381.535 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 674.064.403.180 | 649.997.979.594 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 61.272.761.505 | 52.109.401.941 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 12.374.446.398 | 11.918.495.486 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 4.807.583.146 | 10.093.541.756 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.094.860.736 | 3.722.034.250 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 15.889.355.021 | 12.577.232.022 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 21.248.222.243 | 19.851.761.373 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 31.702.047.493 | 21.505.362.276 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 5.262.094.725 | 4.991.097.011 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 58.542.778 | 51.119.912 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 5.203.551.947 | 4.939.977.099 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 36.905.599.440 | 26.445.339.375 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.11 | 7.542.883.781 | 5.183.837.903 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>29.362.715.659</u> | <u>21.261.501.472</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>29.362.715.659</u> | <u>21.261.501.472</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>1.381</u> | <u>1.000</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | <u>1.381</u> | <u>1.000</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2018



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng




Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 36.905.599.440 | 26.445.339.375 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9 | 9.184.326.577 | 10.727.925.457 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2, V.6 | (1.214.891.550) | 667.310.313 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.3, VI.4 | 171.830.217 | 801.743.481 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.7 | (12.133.612.087) | (9.856.624.179) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 5.094.860.736 | 3.722.034.250 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 38.008.113.333 | 32.507.728.697 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (75.450.436.929) | (2.473.251.288) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (60.043.737.998) | 35.449.545.643 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 47.512.590.414 | (13.396.407.495) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 5.650.141.289 | 6.281.268.606 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.13, VI.4 | (4.963.551.338) | (3.765.184.152) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.11 | (4.744.609.507) | (4.389.912.501) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (54.031.490.736) | 50.213.787.510 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9 | (25.429.931.063) | (12.229.805.650) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.7 | 590.000.000 | 1.595.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2 | (185.523.691.389) | (259.001.396.605) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2 | 220.744.000.000 | 140.385.174.383 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 3.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 11.182.963.414 | 4.697.942.464 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 21.563.340.962 | (121.553.085.408) |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.15 | 453.457.455.834 | 407.604.496.888 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (443.461.689.113) | (349.963.108.582) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.14, V.16 | (14.713.788.800) | (13.883.942.400) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(4.718.022.079)</i> | <i>43.757.445.906</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (37.186.171.853) | (27.581.851.992) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 54.995.857.156 | 82.364.036.940 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 52.407.208 | 213.672.209 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 17.862.092.511 | 54.995.857.156 |



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

1486
NG
HIỆM
SẢN VÀ
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Công ty đều gia tăng so với năm trước chủ yếu là do sự gia tăng doanh thu bán thành phẩm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 640 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 642 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

12

15-C
TY
ƯU H
TƯ VÀ
C
ĐCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

13

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

14



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

15

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê nhà xưởng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê nhà xưởng

Chi phí nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 10 |
| Máy móc và thiết bị | 02 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

16

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

17

Y
S.C.
J HAI
J VAI
CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

19

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

20

U38
CI
SCH
M T
A
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 50.266.142 | 33.139.679 |
| Tiền gửi ngân hàng | 17.811.826.369 | 38.837.592.477 |
| Khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | - | 16.125.125.000 |
| Cộng | 17.862.092.511 | 54.995.857.156 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 91.023.691.389 | 91.023.691.389 | 142.744.000.000 | 142.744.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 91.023.691.389 | 91.023.691.389 | 142.744.000.000 | 142.744.000.000 |
| Dài hạn | 58.500.000.000 | 58.500.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 58.500.000.000 | 58.500.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| Cộng | 149.523.691.389 | 149.523.691.389 | 184.744.000.000 | 184.744.000.000 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

4490
NG T
HIỆM H
ÁN VÀ T
& I
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm trị giá 91.023.691.389 VND và khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm trị giá 22.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu | 198.949 | - | 198.949 | - |
| Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam | 7.058.632.403 | (2.848.117.853) | 7.058.632.403 | (4.063.009.403) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hạ tầng Á Châu | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Cộng | 17.058.831.352 | (2.848.117.853) | 17.058.831.352 | (4.063.009.403) |

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.063.009.403 | 3.330.746.000 |
| Trích lập bổ sung | - | 732.263.403 |
| Hoàn nhập dự phòng | (1.214.891.550) | - |
| Số cuối năm | 2.848.117.853 | 4.063.009.403 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 24.523.326.500 | 35.732.754.001 |
| Công ty TNHH Đại Hưng | 24.517.040.000 | 24.517.040.000 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Đại Hưng Thịnh | - | 11.215.714.001 |
| Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng | 6.286.500 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 115.741.291.463 | 62.353.638.237 |
| Yomizo Trading | 17.535.584.962 | - |
| Công ty AQUA DAM | 52.108.382.404 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 46.097.324.097 | 62.353.638.237 |
| Cộng | 140.264.617.963 | 98.086.392.238 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|--------------------|
| Service Thread | 2.118.475.719 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 961.602.991 | 354.571.500 |
| Cộng | 3.080.078.710 | 354.571.500 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 1.456.203.277 | - | 1.314.258.377 | - |
| Phải thu tiền mua quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô | 4.518.845.456 | - | 4.518.845.456 | - |
| Tiền lãi có kỳ hạn dự thu | 3.109.730.591 | - | 2.749.081.918 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 299.694.578 | - | 299.694.577 | - |
| Cộng | 9.384.473.902 | - | 8.881.880.328 | - |

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Phú – Phải thu tiền bán hàng | Trên 03 năm | 1.294.268.140 | - | Trên 03 năm | 1.294.268.140 | - |
| Công ty Foku-H.S.R.O – Phải thu tiền bán hàng | | | - | Trên 03 năm | 1.646.858.492 | - |
| Cộng | | 1.294.268.140 | - | | 2.941.126.632 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.941.126.632 | 3.006.079.722 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (64.953.090) |
| Xóa sổ khoản dự phòng | (1.646.858.492) | - |
| Số cuối năm | 1.294.268.140 | 2.941.126.632 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 15.543.938.055 | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 33.279.482.827 | - | 26.284.829.965 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 67.242.687.814 | - | 40.598.468.202 | - |
| Thành phẩm | 14.805.483.916 | - | 13.645.102.762 | - |
| Hàng hóa | 10.998.974.914 | - | - | - |
| Hàng hóa bất động sản | - | - | 1.298.428.600 | - |
| Cộng | 141.870.567.526 | - | 81.826.829.529 | - |

Hàng tồn kho trị giá 25.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 797.356.963 | 495.060.559 |
| Chi phí thuê nhà xưởng | 94.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 21.788.592 | 64.728.379 |
| Cộng | 94.819.145.555 | 100.559.788.938 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền đẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 4.620.079.680 | 109.353.162.767 | 10.598.652.967 | 344.077.832 | 124.915.973.246 |
| Mua trong năm | - | 17.935.888.664 | 2.916.840.945 | - | 20.852.729.609 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.482.592.249) | (383.708.239) | - | (1.866.300.488) |
| Số cuối năm | 4.620.079.680 | 125.806.459.182 | 13.131.785.673 | 344.077.832 | 143.902.402.367 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.560.079.680 | 48.315.188.809 | 3.102.939.055 | 344.077.832 | 55.322.285.376 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 3.937.314.407 | 62.451.151.201 | 6.184.767.236 | 344.077.832 | 72.917.310.676 |
| Khấu hao trong năm | 347.098.611 | 7.814.849.449 | 1.022.378.517 | - | 9.184.326.577 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.482.592.249) | (383.708.239) | - | (1.866.300.488) |
| Số cuối năm | 4.284.413.018 | 68.783.408.401 | 6.823.437.514 | 344.077.832 | 80.235.336.765 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 682.765.273 | 46.902.011.566 | 4.413.885.731 | - | 51.998.662.570 |
| Số cuối năm | 335.666.662 | 57.023.050.781 | 6.308.348.159 | - | 63.667.065.602 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Thiên Phúc | | |
| Lộ | 5.040.090.000 | - |
| Công ty TNHH Bao bì Tấn Phong | 4.740.813.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An | 5.356.500.000 | 2.200.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 23.588.842.655 | 17.864.215.157 |
| Cộng | 38.726.245.655 | 20.064.215.157 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|----------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.523.238.917 | - | 1.801.921.647 | (3.325.160.564) | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 8.326.958.270 | (8.293.217.166) | 33.741.104 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 54.579.836 | (53.339.290) | 1.240.546 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 333.371.372 | - | 7.542.883.781 | (4.744.609.507) | 3.131.645.646 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 141.194.537 | 1.029.753.331 | (889.195.949) | - | 637.155 |
| Các loại thuế khác | - | - | 6.000.000 | (6.000.000) | - | - |
| Cộng | 1.856.610.289 | 141.194.537 | 18.762.096.865 | (17.311.522.476) | 3.166.627.296 | 637.155 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--------------------------------|-----|
| - Hàng hóa xuất khẩu | 0% |
| - Hàng hóa tiêu thụ trong nước | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH TĐH phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 36.905.599.440 | 26.445.339.375 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 808.819.469 | 343.469.979 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 37.714.418.909 | 26.788.809.354 |
| Lỗ các năm trước được chuyển | - | (869.619.837) |
| Thu nhập tính thuế | 37.714.418.909 | 25.919.189.517 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 7.542.883.781 | 5.183.837.903 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 phải trả cho người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 326.475.398 | 195.166.000 |
| Chi phí khác | - | 436.364 |
| Cộng | 326.475.398 | 195.602.364 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn | 903.594.515 | 848.523.691 |
| Cổ tức phải trả | 1.217.998.960 | 1.043.518.560 |
| Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô | 403.438.750 | 405.476.400 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 85.865.247 | - |
| Cộng | 2.610.897.472 | 2.297.518.651 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**15a. Vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | | |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 99.969.420.000 | 76.676.118.480 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 67.813.008.143 | 61.318.927.971 |
| Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 21.562.009.500 | - |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv) | 60.134.916.112 | 68.417.698.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ^(v) | 7.178.176.800 | 40.214.700.900 |
| Cộng | 256.657.530.555 | 246.627.445.351 |

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

(iii) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng tồn kho của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty TNHH ĐDH.

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

044
ĐNH
VHIE
LÁN
8
T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | |
|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 246.627.445.351 |
| Số tiền vay phát sinh | 453.457.455.834 |
| Số tiền vay đã trả | (443.461.689.113) |
| Chênh lệch tỷ giá | 34.318.483 |
| Số cuối năm | 256.657.530.555 |

15b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------|---|------------------------|
| | | Cổ phiếu quỹ | | | |
| Số dư đầu năm trước | 244.305.960.000 | 86.242.518.451 | (40.632.476.860) | 16.633.636.478 | 306.549.638.069 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 21.261.501.472 | 21.261.501.472 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (12.761.373.600) | (12.761.373.600) |
| Số dư cuối năm trước | 244.305.960.000 | 86.242.518.451 | (40.632.476.860) | 25.133.764.350 | 315.049.765.941 |
| Số dư đầu năm nay | 244.305.960.000 | 86.242.518.451 | (40.632.476.860) | 25.133.764.350 | 315.049.765.941 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 29.362.715.659 | 29.362.715.659 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (14.888.269.200) | (14.888.269.200) |
| Giảm khác | - | - | - | (28.375.276) | (28.375.276) |
| Số dư cuối năm nay | 244.305.960.000 | 86.242.518.451 | (40.632.476.860) | 39.579.835.533 | 329.495.837.124 |

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Bà Lê Thị Mỹ Hạnh | 33.825.900.000 | 33.825.900.000 |
| Ông Phạm Trung Cang | 32.232.200.000 | 32.232.200.000 |
| Các cổ đông khác | 178.247.860.000 | 178.247.860.000 |
| Cộng | 244.305.960.000 | 244.305.960.000 |

16c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.430.596 | 24.430.596 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.430.596 | 24.430.596 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 24.430.596 | 24.430.596 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (3.161.640) | (3.161.640) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (3.161.640) | (3.161.640) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 21.268.956 | 21.268.956 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 21.268.956 | 21.268.956 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27 tháng 4 năm 2017 với số tiền 14.888.269.200 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

27

3872
i TY
i HỮU
À TU
C
HỢT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****17a. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 688.948,37 | 1.316.469,07 |
| Euro (EUR) | 20,87 | 20,87 |

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty FOKUS - H.S.R.O với số tiền 77.513,81 USD, tương đương 1.646.858.492 VND đã được xóa sổ do đã quá hạn trên 03 năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu | 18.169.370.043 | 180.653.640.102 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 710.260.312.439 | 498.259.611.655 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.385.082.203 | 4.057.151.350 |
| Doanh thu khác | 1.522.400.000 | 19.136.978.428 |
| Cộng | <u>735.337.164.685</u> | <u>702.107.381.535</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Đại Hưng Thịnh | | |
| Bán hàng hóa | 5.592.810.000 | 105.293.720.120 |
| Thu hộ tiền điện | 5.440.961 | 27.830.120 |
| Công ty TNHH nhựa Đại Hưng | | |
| Thu hộ tiền điện | 65.012.583 | 35.932.695 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán | 17.944.059.697 | 180.120.580.940 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 649.902.404.550 | 453.569.794.863 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 5.409.038.857 | 4.045.631.350 |
| Giá vốn khác | 808.900.076 | 12.261.972.441 |
| Cộng | <u>674.064.403.180</u> | <u>649.997.979.594</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

28

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 11.543.612.087 | 6.763.486.110 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 36.775.811 | 49.631.800 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác | - | 2.000.000.000 |
| Cổ tức được chia | - | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 102.419.050 | 265.183.125 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 691.639.450 | 2.770.340.354 |
| Doanh thu tài chính khác | - | 69.854.097 |
| Cộng | <u>12.374.446.398</u> | <u>11.918.495.486</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 5.094.860.736 | 3.722.034.250 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 653.364.694 | 4.572.317.497 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 274.249.267 | 1.066.926.606 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (1.214.891.551) | 732.263.403 |
| Cộng | <u>4.807.583.146</u> | <u>10.093.541.756</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 100.282.728 | 100.282.728 |
| Chi phí vận chuyển | 15.519.894.859 | 12.342.209.455 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 228.280.550 | 93.870.400 |
| Các chi phí khác | 40.896.884 | 40.869.439 |
| Cộng | <u>15.889.355.021</u> | <u>12.577.232.022</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 14.990.762.961 | 14.734.692.283 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 549.078.108 | 403.653.079 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 779.097.772 | 624.554.760 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.207.300.469 | 1.060.932.130 |
| Các chi phí khác | 3.721.982.933 | 3.027.929.121 |
| Cộng | <u>21.248.222.243</u> | <u>19.851.761.373</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 590.000.000 | 1.093.138.069 |
| Thu nhập tiền trực in | 3.807.515.363 | 896.757.830 |
| Các khoản thu nhập khác | 864.579.362 | 3.001.201.112 |
| Cộng | <u>5.262.094.725</u> | <u>4.991.097.011</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 29.362.715.659 | 21.261.501.472 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 29.362.715.659 | 21.261.501.472 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 21.268.956 | 21.268.956 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.381 | 1.000 |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 493.203.013.586 | 471.525.995.384 |
| Chi phí nhân công | 76.947.543.224 | 69.258.525.493 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.184.326.577 | 10.727.925.457 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 293.585.119.354 | 255.824.072.998 |
| Chi phí khác | 104.300.010.472 | 94.079.967.835 |
| Cộng | 977.220.013.213 | 901.416.487.167 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.323.396.000 VND (năm trước là 1.320.996.000 VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH Đại Hưng | Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH ĐDH |
| Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng | Người đại diện của Công ty TNHH nhựa Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Đại Hưng Thịnh | Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|----------------|------------------|
| Công ty TNHH nhựa Đại Hưng | | |
| Thuê văn phòng | 180.000.000 | 240.000.000 |

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH Đại Hưng đã bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.15a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.10.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

31

449,
NG
HIỆM
AN VÀ
&
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Việt Nam | 201.136.769.812 | 326.840.461.330 |
| Các nước Châu Âu | 534.200.394.873 | 375.266.920.205 |
| Cộng | 735.337.164.685 | 702.107.381.535 |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.862.092.511 | - | - | 17.862.092.511 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 149.523.691.389 | - | - | 149.523.691.389 |
| Phải thu khách hàng | 138.970.349.823 | - | 1.294.268.140 | 140.264.617.963 |
| Các khoản phải thu khác | 7.928.270.625 | - | - | 7.928.270.625 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 10.000.000.000 | - | 7.058.831.352 | 17.058.831.352 |
| Cộng | 324.284.404.348 | - | 8.353.099.492 | 332.637.503.840 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

32

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|--|--|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 54.995.857.156 | - | - | 54.995.857.156 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 184.744.000.000 | - | - | 184.744.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 91.185.483.682 | 2.312.923.433 | 4.587.985.124 | 98.086.392.238 |
| Các khoản phải thu khác | 7.567.621.952 | - | - | 7.567.621.952 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 10.000.000.000 | - | 7.058.831.352 | 17.058.831.352 |
| Cộng | 348.492.962.790 | 2.312.923.433 | 11.646.816.476 | 362.452.702.698 |

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán | 38.726.245.655 | - | 38.726.245.655 |
| Các khoản phải trả khác | 1.947.913.108 | - | 1.947.913.108 |
| Vay và nợ | 256.657.530.555 | - | 256.657.530.555 |
| Cộng | 297.331.689.318 | - | 297.331.689.318 |
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả người bán | 20.064.215.157 | - | 20.064.215.157 |
| Các khoản phải trả khác | 1.448.994.960 | - | 1.448.994.960 |
| Vay và nợ | 246.627.445.351 | - | 246.627.445.351 |
| Cộng | 268.140.655.468 | - | 268.140.655.468 |

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 688.948,37 | 20,87 | 1.316.469,07 | 20,87 |
| Phải thu khách hàng | 3.804.548,22 | - | 1.497.811,39 | - |
| Phải trả người bán | (13.820,00) | - | (67.250,00) | - |
| Vay và nợ | (11.301.520,50) | - | (10.836.003,75) | - |
| Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ | (6.821.843,91) | 20,87 | (8.088.973,29) | 20,87 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.478.785.203 VND (năm trước giảm/tăng 2.864.350.739 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 11.301.520,50 USD (số đầu năm là 10.836.003,75 USD).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 4.210.514.550 VND (số đầu năm là 2.995.623.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.2 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 113.023.691.389 VND (số đầu năm là 92.744.000.000 VND).

Ngoài ra, Công ty thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.7).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.862.092.502 | - | 54.995.857.156 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 149.523.691.389 | - | 184.744.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 140.264.727.013 | (1.294.268.140) | 98.086.392.238 | (2.941.126.632) |
| Các khoản phải thu khác | 7.928.270.625 | - | 7.567.621.952 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 17.058.831.352 | (2.848.117.853) | 17.058.831.352 | (4.063.009.403) |
| Cộng | 332.637.612.881 | (4.142.385.993) | 362.452.702.698 | (7.004.136.035) |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

35

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 38.726.245.655 | 20.064.215.157 |
| Các khoản phải trả khác | 1.947.913.108 | 1.448.994.960 |
| Vay và nợ | 256.657.530.555 | 246.627.445.351 |
| Cộng | 297.331.689.318 | 268.140.655.468 |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2018


Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


Tôn Thị Hồng Minh
 Phó Tổng Giám đốc



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

36

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| Năm nay | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 458.407.441.100 | 270.022.241.382 | 6.907.482.203 | - | 735.337.164.685 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 81.372.456.387 | 257.347.308.901 | 6.000.000.000 | (344.719.765.288) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 539.779.897.487 | 527.369.550.283 | 12.907.482.203 | (344.719.765.288) | 735.337.164.685 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (6.800.949.183) | 30.595.446.660 | 340.686.764 | - | 24.135.184.241 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | 24.135.184.241 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 12.374.446.398 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | (4.807.583.146) |
| Chi phí tài chính | | | | | 5.262.094.725 |
| Thu nhập khác | | | | | (58.542.778) |
| Chi phí khác | | | | | (7.542.883.781) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | 29.362.715.659 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 20.065.629.121 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 12.627.483.367 | 7.438.145.754 | - | - | 20.065.629.121 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 16.071.576.084 | 5.932.599.876 | - | - | 16.004.169.960 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 180.653.640.102 | 498.259.611.655 | 23.194.129.778 | - | 702.107.381.535 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 67.962.454.425 | 231.549.979.190 | 6.000.000.000 | (305.512.433.615) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 248.616.094.527 | 729.809.590.845 | 29.194.129.778 | (305.512.433.615) | 702.107.381.535 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (7.810.986.002) | 21.676.160.932 | 5.815.233.616 | - | 19.680.408.546 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 19.680.408.546 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 11.918.495.486 |
| Chi phí tài chính | | | | | (10.093.541.756) |
| Thu nhập khác | | | | | 4.991.097.011 |
| Chi phí khác | | | | | (51.119.912) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (5.183.837.903) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 21.261.501.472 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 6.432.547.747 | 17.741.567.458 | - | - | 24.174.115.205 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 4.653.839.014 | 12.835.722.648 | - | - | 17.489.561.662 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí làm không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | 7.428.240 | - | - | 7.428.240 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNGĐịa chỉ: 41/4 Lý Thường Kiệt, phường Hòa Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: | Đơn vị tính: VND | | | |
|---|---------------------|-------------------|---------------|------------------------|
| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Cộng |
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản phân bổ của bộ phận | 305.599.034.178 | 174.484.197.073 | - | 480.083.231.251 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 163.734.404.888 |
| Tổng tài sản | | | | 643.817.636.139 |
| Nợ phải trả phân bổ của bộ phận | 197.805.574.146 | 116.516.224.869 | - | 314.321.799.015 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | 314.321.799.015 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 112.696.967.072 | 289.386.272.900 | - | 402.083.239.972 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 197.739.821.949 |
| Tổng tài sản | | | | 599.823.061.921 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 122.644.578.428 | 105.535.457.318 | - | 228.180.035.746 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | 228.180.035.746 |



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 03 năm 2018
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



PHẠM ĐỖ ĐIỂM HƯƠNG